

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY**  
**TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY**  
**TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

**✦ ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA:**

**Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam**

Trụ sở chính: Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37714929

Fax: 024.38317364

Website: <http://www.vtvcab.vn/>

**✦ ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013:**

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt**

Trụ sở chính: Số 10, Ngõ 462, Đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024. 6288 3366

Fax: 024. 3761 5599

Website: <http://www.vpaudit.vn/>

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014, 2015 và 2016: Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam**

Trụ sở chính: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3946 2246

Website: [www.pwc.com.vn](http://www.pwc.com.vn)

**✦ ĐƠN VỊ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỀ CỔ PHẦN HÓA:**

**Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam**

Trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 phố Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024. 3783 2121 Fax: 024. 3783 2122

Website: <http://www.cpavietnam.vn>

**✦ ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)**

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.39741771

Fax: 024.39747572

Website:

<http://www.vietinbanksc.com>

## MỤC LỤC

<b>I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
1. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY .....	6
1.1 Thông tin chung về Công ty .....	6
1.2 Quá trình thành lập và phát triển của Tổng công ty .....	6
1.3 Ngành nghề kinh doanh .....	8
1.4 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu .....	10
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY .....	10
2.1 Mô hình quản lý .....	10
2.2 Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành .....	10
2.3 Cơ cấu tổ chức .....	11
3. CHỦ SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY .....	22
4. DANH SÁCH CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY .....	22
4.1. Công ty con .....	22
4.2. Công ty liên doanh, liên kết .....	22
<b>II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 31/12/2015 .....</b>	<b>23</b>
1. THỰC TRẠNG VỀ TÀI SẢN .....	23
2. THỰC TRẠNG VỀ TÀI CHÍNH, CÔNG NỢ .....	24
3. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG 03 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA .....	24
3.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam trong giai đoạn từ 2013 đến nay: .....	24
3.2. Tình hình tài chính và Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013 – 2016	25
3.3. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2013–2016 .....	26
3.4. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013 –2016 .....	27

3.5. Nguồn nguyên vật liệu .....	27
3.6. Trình độ công nghệ .....	32
3.7. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới .....	35
3.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ .....	38
3.9. Hoạt động Marketing .....	39
3.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....	40
3.11. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết .....	41
3.12. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai.....	42
4. THỰC TRẠNG VỀ LAO ĐỘNG .....	44
5. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP (31/12/2015).....	45
6. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....	46
<b>III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY .....</b>	<b>46</b>
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ .....	46
2. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC CỔ PHẦN HÓA .....	51
3. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA .....	51
4. CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP GẮN VỚI ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	52
5. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN .....	52
6. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	52
7. TÊN GỌI TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA .....	53
8. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	53
9. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	54
9.1. Vốn điều lệ .....	54
9.2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	54
10. LOẠI CỔ PHẦN VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH .....	55
11. CỔ PHẦN BÁN ƯU ĐÃI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY .....	55
11.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước: .....	56
11.2 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu): .....	56
12. CỔ PHẦN BÁN ƯU ĐÃI CHO CÔNG ĐOÀN .....	58

13.	CỔ PHẦN BÁN CHO NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC.....	58
14.	CỔ PHẦN BÁN ĐẤU GIÁ RA BÊN NGOÀI.....	58
15.	GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI. ....	59
16.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG .....	59
17.	CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA DỰ KIẾN.....	60
18.	KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA .....	60
19.	PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN .....	61
20.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT .....	68
21.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SAU CỔ PHẦN HÓA	71
1.	Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	71
2.	Triển vọng phát triển của ngành .....	71
3.	Định hướng phát triển của Công ty.....	72
4.	Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng Ngành.....	72
5.	Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa.....	73
	<b>IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT .....</b>	<b>83</b>
	<b>V. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO.....</b>	<b>84</b>
1.	PHỤ LỤC VỀ LAO ĐỘNG .....	84
2.	PHỤ LỤC VỀ PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA .....	84
3.	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	84
4.	PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ .....	84
5.	PHỤ LỤC VỀ ĐẤT ĐAI .....	84

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1. Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp .....23

Bảng 2 : Tình hình tài chính, công nợ tại 31/12/2015 .....24

Bảng 3: Số lượng thuê bao VTVcab giai đoạn năm 2013–2016 .....25

Bảng 4 : Kết quả kinh doanh giai đoạn 2013–2016 .....25

Bảng 5: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2013 – 2016 .....26

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2013 –2016 ....26

Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2013 –2016 .....27

Bảng 8: Danh sách đăng ký nhãn hiệu.....40

Bảng 9: Các hợp đồng lớn Tổng công ty đang thực hiện .....41

Bảng 10: Cơ cấu lao động .....44

Bảng 11: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2015 .....45

Bảng 12. Bảng cơ cấu vốn điều lệ của của công ty dự kiến sau cổ phần hóa .....54

Bảng 13 : Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa .....59

Bảng 14: Chi phí cổ phần hóa dự kiến.....60

Bảng 15: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....61

Bảng 16: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa .....69

Bảng 17: Chỉ tiêu về thuê bao của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2021).....76

Bảng 18: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2021) .....77

Bảng 19: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa .....83

**DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT**

- Công ty/Tổng công ty : Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- TGD : Tổng Giám đốc
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần
- MTV : Một thành viên
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- DT : Doanh thu
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- CCDV : Cung cấp dịch vụ
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- TS : Tài sản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

### 1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Công ty

#### 1.1 Thông tin chung về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 189/QĐ - THVN ngày 01 tháng 02 năm 2012 của Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Việt Nam do Đài truyền hình Việt Nam làm chủ sở hữu trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Trung tâm Kỹ thuật Truyền hình Cáp Việt Nam.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VIETNAM TELEVISION CABLE COPORATION ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VTVcab. Corporation
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.37714929
- Fax: 024.38317364
- Website: <http://www.vtvcab.vn/>
- Vốn điều lệ 458.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám tỷ đồng)
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/10/2017

#### 1.2 Quá trình thành lập và phát triển của Tổng công ty

Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab) tiền thân là Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS thành lập ngày 20/9/1995. Tổng công ty đã trải qua các lần đổi tên: Hãng Truyền hình Cáp Việt Nam (năm 2000); Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật Truyền hình Cáp Việt Nam (cùng trong năm 2003). Đặc biệt từ năm 2012, Tổng công ty phát triển nhanh cả về quy mô lẫn năng lực, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp với thương hiệu mới VTVcab.

Dưới đây là các mốc phát triển quan trọng của Tổng công ty:

Năm	Các mốc lịch sử
1995	Thành lập Trung tâm Truyền hình Cáp MMDS
1998	Khóa mã hệ thống MMDS
2001	Triển khai truyền hình cáp hữu tuyến CATV tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương...
2003	Hợp tác triển khai truyền hình cáp trên toàn quốc như tại Phú Thọ...



Năm	Các mốc lịch sử
2005	Cung cấp internet trên mạng truyền hình cáp
2006	Tăng cường hợp tác phát triển CATV trên phạm vi toàn quốc tại An Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận, Ninh Bình, Thái Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang, ...
2007	Bước đột phá trong việc xã hội hóa các kênh truyền hình chuyên biệt
2008	Triển khai hệ thống truyền hình số trên mạng cáp
2009	Hệ thống đường truyền cáp quang liên tỉnh với gói kênh số hóa được đưa vào khai thác (Lào Cai, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, An Giang...)
	Chính thức liên doanh với tập đoàn Canal+/Canal Overseas triển khai truyền hình số vệ tinh với thương hiệu K+ phủ sóng toàn quốc. Đây là liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực truyền hình
2011	Chính thức triển khai dịch vụ SD, HD
	Ra mắt tổng đài Chăm sóc khách hàng trên toàn quốc 19001515
2012	Ra mắt Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Việt Nam
	Hơn 100 chi nhánh, văn phòng đại diện của Truyền hình Cáp Việt Nam trên toàn quốc
	Tiếp tục sở hữu bản quyền phát sóng các giải bóng đá Châu Âu bao gồm giải Ngoại hạng Anh mùa giải 2012-2013, VĐQG Tây Ban Nha, VĐQG Italia, VĐQG Pháp (đến hết mùa giải năm 2015)
2013	Ra mắt dịch vụ VTVplus - dịch vụ xem truyền hình trực tuyến trên nền tảng công nghệ OTT (Over the top)
	Hợp tác với CMC Telecom triển khai cung cấp dịch vụ internet trên hạ tầng mạng truyền hình cáp trên toàn quốc.
	Mở rộng mạng cáp trên ba miền Bắc – Trung – Nam tại một số thành phố lớn: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Lâm Đồng, Quy Nhơn, Cần Thơ, ...
	Thúc đẩy tốc độ phát triển số hóa đặc biệt là thuê bao truyền hình số SD, HD trên toàn quốc: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Quảng Trị, Thái Bình...
	Đã thử nghiệm, đang xúc tiến và chính thức ra mắt dịch vụ Truyền hình tương tác VTV Live - dịch vụ truyền hình với các trải nghiệm mới về tính tương tác trên đa nền tảng mạng và đa dạng thiết bị truy cập.
	Tháng 4/2013, Truyền hình Cáp Việt Nam thay đổi thương hiệu từ VCTV sang VTVcab và đổi tên chính thức thành Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
	Ngày 07/05/2013: Chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới VTVcab

Năm	Các mốc lịch sử
2014	Tiếp nhận thêm 10 đơn vị mới, nâng tổng số tỉnh, thành mà VTVcab đã phủ sóng mạng cáp lên đến 60 tỉnh, thành trên cả nước. Tính đến tháng 8/2014, VTVcab chính thức cung cấp Dịch vụ Truyền hình số HD tại TP HCM
	Triển khai dịch vụ trọn gói (truyền hình cáp – HD – Internet) tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh
2015	Đẩy mạnh đa dịch vụ trên hạ tầng cáp trên toàn quốc
	Hoàn thành lộ trình số hóa theo đề án của chính phủ
	Triển khai cổng thanh toán trực tuyến và ví điện tử
	Cung cấp các gói dịch vụ combo, đa tiện ích tới khách hàng (Analog – HD – Internet, Analog – HD, HD – Internet, Analog – Internet)
	Là đơn vị THTT đầu tiên tại Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ mạng cáp quang GPON
	Tiếp tục mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ tại TP. Hồ Chí Minh
	Phát sóng trên 200 kênh truyền hình, trong đó có hơn 60 kênh HD
2015	Từ tháng 9/2015, triển khai dự án “Mái ấm yêu thương” và đã xây dựng nhà tình thương tại Phú Thọ, Nghệ An, Khánh Hòa, Long An, Tiền Giang và đang tiếp tục mở rộng triển khai tại nhiều tỉnh thành trên toàn quốc
	Kiến tạo giải thưởng Cúp Chiến Thắng – Giải thưởng tôn vinh các tài năng xuất sắc của thể thao Việt Nam
2016	Triển khai quy trình chăm sóc khách hàng chuẩn theo thứ tự ưu tiên 1 giờ – 2 giờ – 4 giờ
	Tiếp tục triển khai chương trình “Mái ấm yêu thương” với mục tiêu xây dựng hơn 1.000 căn nhà tặng người nghèo trên toàn quốc
	Cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu VTVcab ON
	Tập trung vào nội dung giải trí, phim truyện, thể thao chuyên biệt, trẻ em theo độ tuổi và các chương trình truyền hình theo yêu cầu
	Phát triển nhanh, mạnh thuê bao truyền hình số. Cung cấp dịch vụ trọn gói truyền hình cáp – truyền hình số – internet tốc độ cao với mức giá hợp lý

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/10/2017, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Dịch

vụ truyền hình trả tiền;

- Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp (ví dụ phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình); Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; Cung cấp truy cập internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ); Hoạt động của các điểm truy cập Internet; Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm: Dịch vụ điện thoại, dịch vụ, fax, dịch vụ truyền hình ảnh, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ kênh thuê riêng, dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, bao gồm: Dịch vụ thư điện tử, thư thoại, dịch vụ fax giá tăng giá trị, dịch vụ truy cập internet; Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (chỉ được hoạt động khi có giấy phép do Bộ thông tin và truyền thông cấp); (Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Xuất bản phần mềm; Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: hệ thống điều hành, kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử, video giải trí, cờ
- Công thông tin; Hoạt động công thông tin. Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn và các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các công internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ; Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động.

– Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)  
 Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán: Dịch vụ công thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ;  
 Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử: Dịch vụ ví điện tử.

#### 1.4 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Tổng công ty là các sản phẩm, dịch vụ của các hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua – bán bản quyền; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

## 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty

### 2.1 Mô hình quản lý

Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Đài truyền hình Việt Nam làm chủ sở hữu. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn trên cơ sở Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty cùng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

### 2.2 Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành

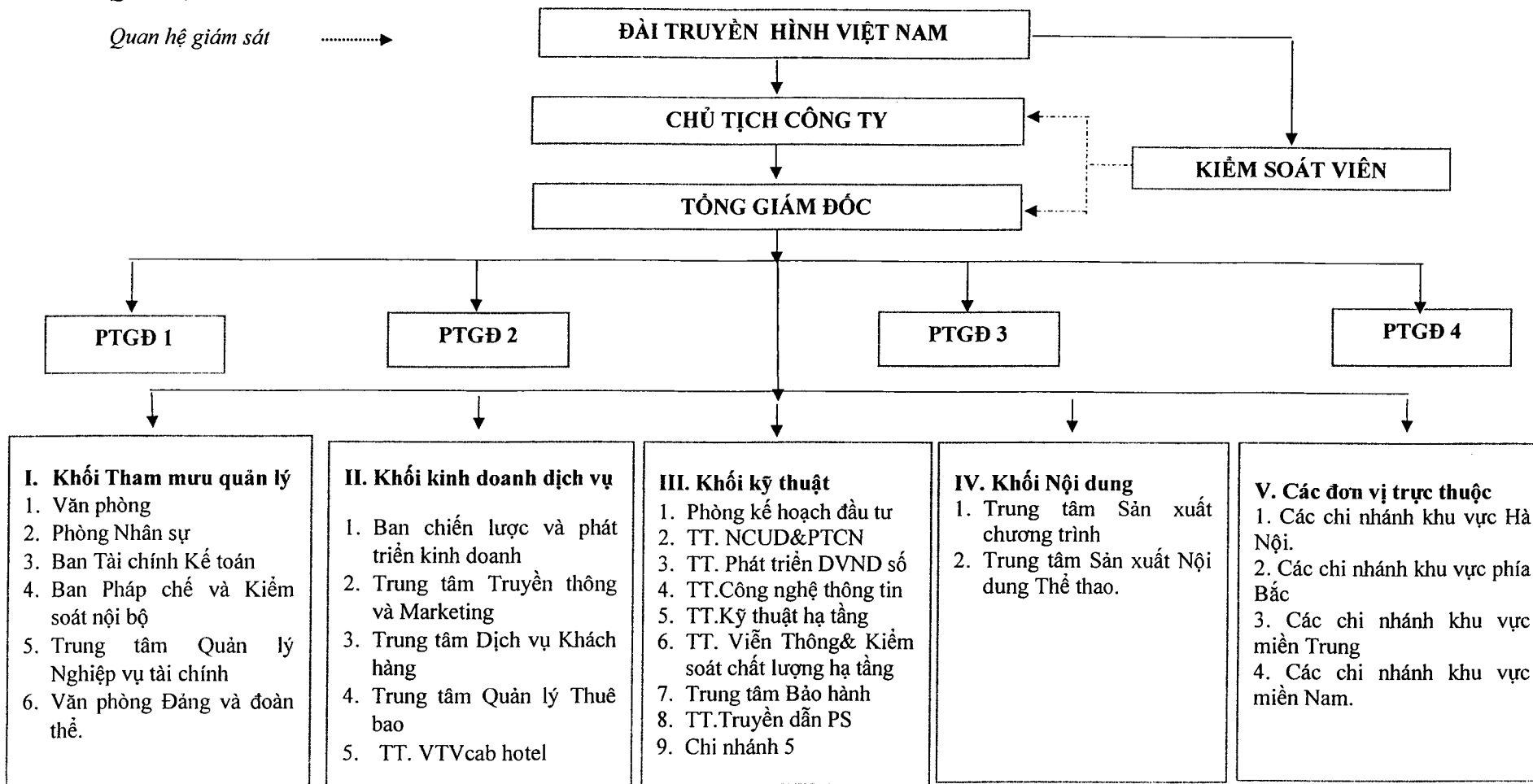
<b>Ban lãnh đạo</b>	Ông Hoàng Ngọc Huân	Chủ tịch, Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Sơn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Huy Năm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

2.3 Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

Quan hệ điều hành →

Quan hệ giám sát - - - - -



– Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Tổng công ty theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm: Chủ tịch Tổng công ty; Kiểm soát viên; Tổng Giám đốc; các Phó Tổng giám đốc; Kế toán Trưởng và Bộ máy giúp việc.

– Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Tổ chức bộ máy và biên chế của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam: 2.178 người. Bố trí nhân sự và chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận của Tổng công ty như sau:

#### ✦ **Chủ tịch Tổng công ty**

– Chủ tịch Tổng công ty là người đại diện Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đài Truyền hình Việt Nam và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

– Chủ tịch Tổng công ty thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Đài Truyền hình Việt Nam quản lý do Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật.

– Nhiệm kỳ của Chủ tịch Tổng công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

#### ✦ **Tổng Giám đốc**

– Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Tổng công ty; phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

– Tổng Giám đốc Tổng công ty thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Đài Truyền hình Việt Nam quản lý do Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật.

– Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Tổng công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

– *Hiện tại: Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Tổng công ty theo Quyết định số 368/QĐ-THVN ngày 23/3/2016 của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.*

#### ✦ **Phó Tổng Giám đốc**

– Chủ tịch Tổng công ty quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

– Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

#### ✦ **Kế toán trưởng**

– Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

✚ **Kiểm soát viên**

– Đài Truyền hình Việt Nam bổ nhiệm từ 01 đến 03 Kiểm soát viên, tùy theo quy mô và giai đoạn hoạt động của Tổng công ty. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đài Truyền hình Việt Nam về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ của mình.

– *Hiện tại: Đài THVN bổ nhiệm 01 người giữ chức danh Kiểm soát viên tại Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.*

✚ **Văn phòng**

Văn phòng Tổng công ty là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác hành chính quản trị; Thực hiện công tác tổng hợp; Xây dựng kế hoạch, lập kế hoạch chiến lược của toàn Tổng công ty, giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Tổng công ty.

✚ **Ban Tài chính kế toán**

Ban Tài chính kế toán là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại Tổng công ty; Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

✚ **Ban pháp chế và kiểm soát nội bộ**

Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc về những vấn đề pháp lý, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Tổng công ty.

✚ **Trung tâm Quản lý nghiệp vụ tài chính**

Trung tâm Quản lý Nghiệp vụ tài chính là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng:

- Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ xây dựng quy định hạch toán kế toán, chính sách tài chính, chính sách quản lý thuê bao áp dụng thống nhất cho các chi nhánh.
- Xây dựng quy chế và các biện pháp trong công tác quản lý tài chính các chi nhánh theo đúng quy định của Bộ Tài chính, Đài Truyền hình Việt Nam và của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

✚ **Phòng Nhân sự**

Phòng nhân sự là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, quản lý nhân sự, lao động tiền lương: xây dựng định mức lao động, định biên lao động tại các đơn vị trực thuộc; Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch tiền lương, tổng quỹ tiền lương kế hoạch và phân bổ quỹ tiền lương kế hoạch đối với các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

✚ **Văn phòng Đảng và Đoàn thể**

Văn phòng Đảng và đoàn thể là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty; cụ thể hóa các chủ

trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Đài Truyền hình Việt Nam về công tác Đảng, đoàn thể; thực hiện một số nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Giám đốc; tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy Tổng công ty.

#### ✦ **Ban chiến lược và phát triển kinh doanh**

Ban Chiến lược và Phát triển kinh doanh là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Nghiên cứu, xây dựng chính sách kinh doanh các Dịch vụ.
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch mua bán bản quyền truyền hình.
- Phối hợp các đơn vị đánh giá hiệu quả đầu tư.
- Hỗ trợ các Chi nhánh, đơn vị hợp tác xây dựng kế hoạch kinh doanh và giám sát các đơn vị thực hiện.
- Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ kiểm tra theo dõi các công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Điều tra, nghiên cứu thị trường và các đối thủ cạnh tranh; chủ động mở rộng và phát triển thị trường.
- Báo cáo, đánh giá tổng kết hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

#### ✦ **Trung tâm Truyền thông và Marketing**

Trung tâm Truyền thông và Marketing là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phân tích xu hướng, cách thức tiếp cận công chúng, khách hàng tiêu dùng; Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông; Quản trị và phát triển thương hiệu; Kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền hình mới; Dịch vụ truyền thông đa phương tiện cho đối tác bên ngoài: sản xuất chương trình, tư vấn xây dựng thương hiệu, tổ chức sự kiện; Nội dung phát sóng các kênh chương trình của VTVcab và các kênh chương trình nước ngoài phát trên hệ thống mạng truyền hình cáp VTVcab; Hoạt động PR, PR nội bộ, kiểm soát hình ảnh; Dự phòng rủi ro về hình ảnh và hình ảnh báo chí trong Tổng công ty và thị trường; Thực hiện công tác quảng cáo; Xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn về phát triển quảng cáo và các dịch vụ giá trị gia tăng khác trên hệ thống truyền hình trả tiền của VTVcab theo quy hoạch phát triển của Đài Truyền hình Việt Nam nói chung, của VTVcab nói riêng và tổ chức thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt.

#### ✦ **Trung tâm dịch vụ khách hàng**

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Thực hiện công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng; tổ chức, thực hiện và tiếp nhận thông tin phản ánh từ khách hàng dưới các hình thức: điện thoại, fax, email, SMS, website ... nhằm giải đáp, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng về dịch vụ truyền hình cáp, Internet, SD, HD và các dịch vụ giá trị gia tăng khác của Tổng công ty;
- Tham gia phát triển các dịch vụ của Tổng công ty, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh, thống kê, báo cáo nội bộ của Tổng công ty và thực hiện các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.



✚ **Trung tâm quản lý thuê bao**

Trung tâm Quản lý Thuê bao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Trung tâm Quản lý thuê bao là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong công tác quản lý thuê bao và quản lý nguồn thu thuê bao;
- Thực hiện công tác quản lý khách hàng, công tác quản lý công nợ Khách hàng và thu thuê bao tại các chi nhánh do Tổng Công ty điều hành tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị hợp tác kinh doanh phân chia Doanh thu theo sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Tổng Công ty;
- Trực tiếp tổ chức công tác thu thuê bao tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tham gia phát triển các dịch vụ, phát triển các kênh thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh, thống kê và báo cáo nội bộ của Tổng Công ty;
- Đầu mối tham gia xây dựng cơ chế chính sách, xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý thuê bao trên toàn quốc;
- Quản lý dòng tiền về thuê bao trên toàn quốc, phân cấp tùy theo từng thời kỳ;
- Các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

✚ **Trung tâm Truyền hình khách sạn**

Trung tâm Truyền hình khách sạn là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, được tổ chức và hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập với Tổng Công ty, có con dấu và tài khoản riêng; thực hiện chức năng ký kết các hợp đồng kinh tế, đầu tư, phát triển khách hàng, mạng lưới kinh doanh, hợp tác, thuê khai thác thị trường, quản lý khách hàng thuộc hệ thống khách sạn, nhà nghỉ.

✚ **Phòng Kế hoạch đầu tư**

Phòng Kế hoạch đầu tư là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Lên kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng hóa, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng công ty;
- Tổ chức mua sắm thiết bị, phương tiện, hàng hóa thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

✚ **Trung tâm kỹ thuật truyền dẫn phát sóng**

Trung tâm Kỹ thuật truyền dẫn phát sóng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc: Xây dựng, quản lý, vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống phát sóng các kênh VTVcab, hệ thống lưu trữ, hệ thống thu vệ tinh, thu phát tín hiệu cho các đối tác, headend số, headend analog, mạng truyền dẫn IP, hệ thống hạ tầng phòng máy toàn quốc của Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam; là Trung tâm thu phát chính cung cấp tín hiệu cho các chi nhánh và các đơn vị Truyền hình Cáp trên toàn quốc được Tổng Giám đốc phê duyệt.

✚ **Trung tâm kỹ thuật hạ tầng**

Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, thực hiện chức năng tổ chức quản lý, thực hiện và tham mưu về công tác kỹ thuật, hạ tầng mạng truyền hình cáp từ Tổng Công ty đến các chi nhánh và đơn vị hợp tác.

✦ **Trung tâm công nghệ thông tin**

Trung tâm Công nghệ Thông tin là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng:

- Quản lý, điều hành và phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác quản lý và sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Ban hành các chính sách an toàn, bảo mật thông tin của Tổng Công ty;
- Chỉ đạo, điều hành, giám sát và kiểm tra công tác vận hành, khai thác, bảo dưỡng các hệ thống công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty;
- Nghiên cứu, định hướng và tìm kiếm giải pháp, xu hướng công nghệ, phát triển các các ứng dụng dịch vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp cải tiến, tối ưu hoá cũng như nâng cấp hệ thống phù hợp tình hình thực tế.
- Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet toàn quốc.

✦ **Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ**

Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty; thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- Định hướng sử dụng công nghệ mới trong lĩnh vực truyền hình hữu tuyến, viễn thông, các loại hình dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống mạng truyền hình hữu tuyến, sản xuất chương trình truyền hình.
- Quản lý đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên trực thuộc Tổng công ty.

✦ **Trung tâm Bảo hành**

Trung tâm Bảo hành là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác bảo hành, sửa chữa toàn bộ các thiết bị điện tử: Thiết bị mạng truyền hình cáp, thiết bị đầu thu số SD/HD, Modem Internet và các thiết bị điện tử khác trong quá trình hoạt động của Tổng công ty.

✦ **Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát chất lượng hạ tầng mạng**

Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát Chất lượng hạ tầng mạng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng và phát triển hạ tầng và các dịch vụ viễn thông; Kiểm soát chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ.

✦ **Trung tâm Phát triển Dịch vụ nội dung Số**

Trung tâm Phát triển dịch vụ nội dung số là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, định hướng, triển khai công tác phát triển các công nghệ, dịch vụ nội dung số của Tổng Công ty.

✦ **Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình**

Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng quản lý và khai thác hệ thống kỹ thuật sản xuất

chương trình; Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo Tổng Công ty xây dựng định hướng phát triển công nghệ sản xuất chương trình.

✦ **Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao**

Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng sản xuất các nội dung thể thao cung cấp trên đa nền tảng theo chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

✦ **Chi nhánh số 5**

Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty; có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây lắp hệ thống mạng trực chính hệ thống mạng truyền hình cáp thuộc Tổng công ty; Thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo trì – sửa chữa mạng cáp quang thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam theo đúng quyết định phân cấp quản lý.

✦ **Các chi nhánh trực thuộc**

Bao gồm các chi nhánh trực thuộc ở Hà Nội, khu vực các miền Bắc, Trung, Nam. Các đơn vị này có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ đã được Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt về hệ thống truyền hình trả tiền, dịch vụ truy nhập Internet (ISP), các dịch vụ gia tăng khác trên địa bàn, các địa phương và với các đối tác hợp tác thuộc khu vực được phân cấp quản lý kinh doanh theo các quy định hiện hành của Nhà nước, của Đài Truyền hình Việt Nam và của Tổng công ty.

✦ **Các đơn vị hợp tác liên doanh**

Các đơn vị hợp tác liên doanh, các công ty con và công ty liên kết được hình thành từ nguồn vốn góp của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam và của các đối tác theo mô hình quản lý Công ty mẹ - Công ty con. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con là quan hệ bình đẳng của những pháp nhân độc lập. Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của công ty mẹ và các công ty con, công ty mẹ quản lý và điều hành các công ty con bằng 3 cơ chế chính thông qua bộ máy điều hành của công ty mẹ là: quản lý tài chính; quản lý kinh doanh; quản lý hành chính tổ chức; Việc điều hành của Công ty mẹ VTVcab trên cơ sở tỉ lệ vốn sở hữu và một phần từ uy tín, sức mạnh vốn có của Công ty mẹ thông qua các người đại diện của Công ty mẹ. Quan hệ giữa Công ty mẹ với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau là quan hệ bình đẳng, tôn trọng lợi ích của nhau; Công ty mẹ VTVcab có quyền rút vốn hoặc đầu tư thêm vào công ty con theo quy định của luật pháp, có quyền lựa chọn các đối tác cùng tham gia thực hiện sản xuất kinh doanh mà không phụ thuộc vào công ty con; Công ty mẹ có nhiệm vụ quản lý tập trung và thống nhất về thị trường, sản phẩm, thực hiện định hướng đầu tư có hiệu quả, sử dụng quỹ đầu tư phát triển để đổi mới trang thiết bị và công nghệ. Công ty mẹ chỉ đạo các công ty con thông qua các đơn hàng, hợp đồng kinh tế, đồng thời tổ chức phối hợp giữa các công ty con với nhau để thực hiện hợp đồng, nhiệm vụ được giao.

✦ **Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty**

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Chi nhánh 1	Số 2, lô B1, ngõ 118 Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Chi nhánh 2	Lô 16, Khu BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
3	Chi nhánh 3	Lô 34, khu E, Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
4	Chi nhánh 4	Số 10, ngõ 69, Xuân La, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
5	Chi nhánh 5	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
6	Chi nhánh 6	Số 36 LK 20B- Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	100%
7	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số nhà 57, Đường Bà Triệu, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	4.000.000.000	100%
8	Chi nhánh Bắc Kạn	Số 173, Tổ 5, Phường Chí Kiên, TX Bắc Kạn, Bắc Kạn	1.428.535.000	100%
9	Chi nhánh Điện Biên	Số 679, Tổ dân phố số 8 Phường Tân Thanh, Thành Phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên - Việt Nam	1.718.172.000	100%
10	Chi nhánh Hưng Yên	Số 8, Đường Đoàn Thị Điểm, Phường Lê Lợi, Thành Phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	6.169.272.043	100%
11	Chi nhánh Miền Trung	D1, Lô 15, Đại lộ Lenin, Thành phố Vinh, Nghệ An	5.358.184.573	100%
12	Chi nhánh Khánh Hòa	Số 4 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	13.922.443.000	100%
13	Chi nhánh TP.HCM	18 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	13.308.408.420	100%
14	Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	565A Nguyễn An Ninh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	28.069.363.635	100%
15	Chi nhánh Lai Châu	Số 311, đường Trần Phú phường Tân Phong, Thành Phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	881.986.474	100%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
16	Chi nhánh Hà Giang	Số 159, đường 20/8, tổ 3, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam	2.605.138.390	100%
17	Chi nhánh Cần Thơ	122 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ, Việt Nam	23.991.275.065	100%
18	Chi nhánh Tiền Giang	Số 98 đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	16.186.312.446	100%
19	Chi nhánh Bạc Liêu	05 Lô B, Đường Ngô Quang Nhã, khóm 6, phường 1, TP.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	4.229.413.000	100%
20	Chi nhánh Bình Phước	Số 79 đường Nơ Trang Long, khu trung tâm thương mại Đồng Xoài, Phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	3.869.154.000	100%
21	Chi nhánh Đồng Nai	Số 159, đường Đồng Khởi, KP6, phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	15.943.780.000	100%
22	Chi nhánh Lào Cai	Số nhà 009 đường Hoàng Hoa Thám, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	6.050.439.384	100%
23	Chi nhánh Bình Thuận	Số 161 Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	7.713.758.670	100%
24	Chi nhánh Ninh Thuận	Số 310, Đường Ngô Gia Tự, Phường Tân Tài, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	5.340.191.622	100%
25	Chi nhánh An Giang	Số 10/5 đường Châu Văn Liêm, Phường Mỹ Bình, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	12.861.518.070	100%
26	Chi nhánh Đồng Tháp	Số 48, Lê Anh Xuân, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	0	100%
27	Chi nhánh Trà Vinh	Số 41 Phan Đình Phùng, phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam	0	100%
28	Chi nhánh Bến Tre	Số 54D đường Nguyễn Văn Tư, phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	0	100%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
29	Chi nhánh Huế	Số 02 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0	100%
30	Chi nhánh Sóc Trăng	Số 94 Nguyễn Trung Trực, phường 2, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	0	100%
31	Chi nhánh Hậu Giang	Số 01 Hoàng Hoa Thám, khu vực 2, Phường I, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	7.242.564.842	100%
32	Trung tâm truyền hình khách sạn	844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	0	100%
33	Chi nhánh Quảng Nam	90 Trương Chí Cương, phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	0	100%
34	Chi nhánh Quảng Ninh	Ô 6/A12, khu Tự Xây, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	0	100%
35	Chi nhánh Kiên Giang (*)	Lô H nền 2, đường Trần Hưng Đạo, khu phố Ba Hòn, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	100%
<b>II</b>	<b>Chi nhánh hợp tác do VTCab điều hành</b>			
1	Chi nhánh 8	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
2	Chi nhánh 9	Ô 21 + 21a, Lô D khu Đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
3	Chi nhánh 10	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
4	Chi nhánh Thái Nguyên	Số 1, đường Quyết Tiến, phường Trưng Vương, Thành Phố Thái Nguyên, Việt Nam	945.000.000	31,5%
5	Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 29, Khu liên kề, đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	2.100.000.000	52,5%

TT	Tên Đơn vị	Địa điểm kinh doanh (Trụ sở VP)	Vốn CN (đồng)	Tỷ lệ (%)
6	Chi nhánh 11	Số 844, đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	51%
7	Chi nhánh Phú Thọ	Số 1123, Đường Hùng Vương, Phường Tiên Cát, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	2.100.000.000	52,5%
8	Chi nhánh Bắc Giang	Số 24, đường Nguyễn Văn Mẫn, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.375.432.398	35%
9	Chi nhánh Bình Dương	Số 5A, Đường tổ 8, Khu phố Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	0	50%
10	Chi nhánh Ninh Bình	Đường Xuân Thành. Phường Tân Thành, TP.Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	2.796.005.099	60%
11	Chi nhánh Phú Quốc	Số 291 đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99.100.738	5%
12	Chi nhánh Quảng Trị	Số 75A Quốc lộ 9, Phường 5, Thành Phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	0	5%
13	Chi nhánh Đà Nẵng (*)	Số 58 đường Hàm Nghi, phường Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	0	0%
14	Chi nhánh Cà Mau (*)	Số 220, đường Tôn Đức Thắng, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau		
15	Chi nhánh Long An	Số 13, đường Trương Văn Bang, P2, Tp Tân An, Long An, Việt Nam		
16	Chi nhánh số 2 tại TP HCM (*)	Số 93/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
17	Chi nhánh 12(*)	Lô 67, khu D3, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam		
18	Chi nhánh Đắk Lắk (*)	Số 156 đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi, thành phố Buôn MaThuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	0	0%

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

(\*) Mới thành lập trong năm 2016, 2017

### 3. Chủ sở hữu của Tổng công ty

Đài truyền hình Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.

### 4. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Tổng công ty

#### 4.1. Công ty con

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn đầu tư (Đồng)	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Công nghệ Việt Thành	Tầng trệt, tòa nhà Indochina số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, TP HCM	144.683.588.788	42.000.000.000	51%
2	Công ty CP Truyền hình Trương tác Việt Nam	Số 89 Giang Văn Minh, P.Đội Cấn, Q. Ba Đình, HN	16.320.000.000	32.000.000.000	51%
3	Công ty cổ phần phát triển thể thao VTVcab (VTVcab sport JSC)(*)	Số 17, Lô 12B đường Trung Yên 10, P Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP HN	1.002.000.000	1.002.000.000	50,1%

(Nguồn: Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam)

(\*) Mới thành lập trong năm 2017

#### 4.2. Công ty liên doanh, liên kết

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Vốn góp (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	8.203.340.000	39%
2	Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	111.275.000.000	25%
3	Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	18.000.000.000	20%
4	Công ty Cổ phần Truyền thông ON + (*)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	3.600.000.000	36%

(Nguồn: Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam)

(\*) Mới thành lập trong năm 2017



**II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 31/12/2015**

**1. Thực trạng về tài sản**

Tổng giá trị tài sản của Tổng công ty theo sổ sách kế toán tại ngày 31/12/2015 là **2.001.520.488.919** đồng (Hai nghìn linh một tỷ năm trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn chín trăm mười chín đồng), bao gồm:

**Bảng 1. Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại của tài sản	Cơ cấu tài sản (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định đầu tư dài hạn</b>	<b>1.265.505.870.331</b>	<b>63,23%</b>
1	Tài sản cố định	550.954.943.853	27,53%
A	Nhà cửa vật kiến trúc	24.030.269.042	1,20%
B	Máy móc, thiết bị	480.494.535.686	24,01%
C	Phương tiện vận tải	3.665.884.250	0,18%
D	Tài sản khác	16.330.215.160	0,82%
E	Tài sản cố định vô hình	26.434.039.715	1,32%
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	156.343.920.740	7,81%
3	Đầu tư dài hạn khác	188.015.881.100	9,39%
4	Tài sản dài hạn khác	340.836.293.758	17,03%
5	Phải thu dài hạn khác	29.354.830.880	1,47%
<b>II</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>736.014.618.588</b>	<b>36,77%</b>
1	Vốn bằng tiền	82.495.098.843	4,12%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.500.000.000	0,12%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	276.517.684.933	13,82%
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	319.853.135.602	15,98%
5	Tài sản ngắn hạn khác	54.648.699.210	2,73%
	<b>Tổng giá trị tài sản (I+II)</b>	<b>2.001.520.488.919</b>	<b>100%</b>

*(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VTV cab*

2. Thực trạng về tài chính, công nợ

Bảng 2 : Tình hình tài chính, công nợ tại 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn vốn	Số tiền	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.550.709.726.162</b>	<b>77,48%</b>
1	Nợ ngắn hạn	1.120.261.109.613	55,97%
A	Vay và nợ ngắn hạn	182.825.244.619	9,13%
B	Phải trả người bán	482.986.279.795	24,13%
C	Người mua trả tiền trước	221.464.718.307	11,06%
D	Phải trả người lao động	60.634.271.736	3,03%
E	Chi phí phải trả	39.020.807.680	1,95%
F	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	58.105.768.551	2,90%
G	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	12.395.753.894	0,62%
H	Quỹ khen thưởng, phúc lợi, BQLĐH	62.828.265.031	3,14%
2	Nợ dài hạn	430.448.616.549	21,51%
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>450.810.762.757</b>	<b>22,52%</b>
1	Vốn chủ sở hữu	440.000.000.000	21,98%
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.810.762.757	0,54%
3	Quỹ dự phòng tài chính	0	0%
	<b>Tổng nguồn vốn (I+II)</b>	<b>2.001.520.488.919</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VTV cab)

3. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

3.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam trong giai đoạn từ 2013 đến nay:

Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền. Trong 04 năm từ năm 2013 đến năm 2016, VTVcab đã có sự phát triển vượt bậc về chất lượng cũng như phát triển thuê bao, chiếm lĩnh thị trường trên toàn quốc, trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền hàng đầu Việt Nam. Hiện VTVcab có hơn 70 chi nhánh, đơn vị hợp tác và cung cấp dịch vụ truyền hình tại hơn 50 tỉnh thành khắp cả nước với khoảng **2,5 triệu** thuê bao trên toàn quốc, cụ thể:

**Bảng 3: Số lượng thuê bao VTVcab giai đoạn năm 2013–2016**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Analog + Hd new	Thuê bao	1.491.749	1.724.054	1.666.416	1.731.644
2	HD + Full HD	Thuê bao	53.226	132.208	239.163	314.118
3	Bán BQ	Thuê bao	128.153	230.869	230.869	214.646
4	PP chung	Thuê bao	162.791	227.301	207.297	206.902
5	Internet	Thuê bao	5.494	21.250	61.431	99.808
<b>Tổng số thuê bao</b>			<b>1.841.413</b>	<b>2.335.682</b>	<b>2.405.176</b>	<b>2.567.118</b>

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

**3.2. Tình hình tài chính và Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013 –2016**

**Bảng 4 : Kết quả kinh doanh giai đoạn 2013–2016**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu (cuối năm)	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng tài sản	1.550.656	1.692.700	2.001.521	2.409.125
2	Vốn chủ sở hữu	448.839	448.915	450.811	473.006
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo sổ sách kế toán</i>	440.000	440.000	440.000	458.000
3	Nợ ngắn hạn	911.600	1.039.870	1.120.261	1.329.098
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	911.600	1.039.870	1.120.261	1.329.098
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
4	Nợ dài hạn	190.217	203.915	430.449	607.021
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ dài hạn</i>	190.217	203.915	430.449	607.021
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.164.379	1.773.736	1.862.613	2.067.373
-	<i>Trong đó:</i> <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.153.644	1.749.786	1.837.423	2.045.042
6	Tổng chi phí	1.094.826	1.689.070	1.782.002	1.985.354
-	<i>Trong đó:</i> <i>Giá vốn hàng bán</i>	876.281	1.181.603	1.319.966	1.465.821
7	Lợi nhuận trước thuế	69.553	84.666	80.611	82.019
8	Lợi nhuận sau thuế	55.006	61.017	65.404	68.589
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	12,26%	13,59%	14,54%	14,85%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015 (điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước) của VTVcab)

**Bảng 5: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2013 – 2016**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> (Tại thời điểm cuối năm)				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,80	0,52	0,66	0,62
Hệ số thanh toán nhanh (Lần) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	0,54	0,29	0,37	0,35
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> (Tại thời điểm cuối năm)				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản (%)	71,05%	73,48%	77,48%	80,37%
Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản (%)	28,95%	26,52%	22,52%	19,63%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Lần)	2,45	2,77	3,44	4,09
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho (Vòng) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,80	5,00	4,70	4,27
Vòng quay Tổng tài sản (Vòng) (DTT/Tổng tài sản bình quân)	0,74	1,08	0,99	0,93
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,77%	3,49%	3,56%	3,35%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	5,53%	4,30%	4,19%	3,99%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	12,26%	13,59%	14,54%	14,85%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,55%	3,76%	3,54%	3,11%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015 (điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước của VTVcab)

### 3.3. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2013–2016

**Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2013 –2016**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.153.644	99,49%	1.749.786	99,21%	1.837.423	99,76%	2.045.042	99,94%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.813	0,42%	10.004	0,57%	20.804	1,13%	21.025	1,03%
Thu nhập khác	5.922	0,51%	13.946	0,79%	4.386	0,24%	1.306	0,06%
<b>Tổng</b>	<b>1.164.379</b>	<b>100%</b>	<b>1.773.736</b>	<b>100%</b>	<b>1.862.613</b>	<b>100%</b>	<b>2.067.373</b>	<b>100%</b>

Ghi chú: (\*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015 (điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước của VTVcab)

Nhận xét: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2013 – 2016.

3.4. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013 –2016

**Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2013 –2016**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Giá vốn hàng bán	876.281	80,03%	1.181.603	69,95%	1.319.966	74,08%	1.465.821	73,84%
Chi phí tài chính	3.679	0,34%	23.424	1,39%	86.150	4,83%	38.945	1,96%
Chi phí bán hàng	105.533	9,64%	264.692	15,67%	168.172	9,44%	196.589	9,90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	109.149	9,97%	214.837	12,72%	206.937	11,61%	283.161	14,26%
Chi phí khác	185	0,02%	4.514	0,27%	776	0,04%	838	0,04%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.094.827</b>	<b>100%</b>	<b>1.689.070</b>	<b>100%</b>	<b>1.782.001</b>	<b>100%</b>	<b>1.985.354</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2013, năm 2014, năm 2016 và BCTC riêng năm 2015

(điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước của VTVcab)

*Nhận xét:* Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty và gia tăng qua các năm, trong khi đó tỷ trọng chi phí tài chính cũng tăng nhẹ. Chi phí các chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

3.5. Nguồn nguyên vật liệu

VTVcab hoạt động trên lĩnh vực truyền thông bao gồm truyền hình trả tiền, dịch vụ internet, quảng cáo,... Đặc thù hệ thống cung cấp dịch vụ của VTVcab là truyền dẫn tín hiệu hữu tuyến. Điều này có nghĩa là tất cả khách hàng khi sử dụng dịch vụ của VTVcab đều có một phương thức kết nối bằng dây cáp đến điểm cung cấp dịch vụ. VTVcab chỉ sử dụng 2 loại cáp để cung cấp dịch vụ là cáp đồng trục và cáp quang. VTVcab đã xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng từ trung tâm thu phát đến tận nhà khách hàng sử dụng dịch vụ. Hệ thống cơ sở hạ tầng gồm ba phần chính: hệ thống kỹ thuật sản xuất chương trình; hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu; hệ thống truyền dẫn tín hiệu.

- **Hệ thống sản xuất chương trình:**

Là hệ thống tạo ra các chương trình truyền hình, chương trình ca nhạc, phim ... tạo ra nội dung trên các kênh truyền hình. Sản xuất chương trình bao gồm các công đoạn: ghi hình, dựng hình, biên tập. Sản phẩm của hệ thống sản xuất chương trình là các chương trình truyền hình hoàn thiện theo các quy định của Đài THVN về nội dung, hình thức, chất lượng kỹ thuật. Các chương trình này sẽ được lưu tại hệ thống lưu trữ trung tâm để phân phối đến các kênh truyền hình tương ứng với lịch phát sóng.

Thiết bị, Phần mềm	Mô tả chức năng
Hệ thống lưu trữ Mediagrid 4.000	Hệ thống lưu trữ 334 TB với băng thông 3.000MB có chức năng lưu trữ tập trung các file media, audio phục vụ cho sản xuất. Đáp ứng được nhu cầu lưu trữ, dựng trực tiếp trên bộ lưu trữ.
Hệ thống MAM Vizrt One.	Hệ thống MAM có nhiệm vụ quản lý tài nguyên media, quản lý các quy trình, luồng công việc truy xuất NAS một cách thống nhất và hiệu quả. Tích hợp sâu với các khối khác như khối newsroom, NLE, Graphic, Studio.
Hệ thống Router SDI NVISION8144	Là hệ thống chuyển mạch SDI hỗ trợ 144x144 tín hiệu vào ra, là hệ thống chuyển mạch tập trung để có thể kiểm soát tín hiệu vào ra, phân phối các đường tín hiệu đến các hệ thống khác như: phòng đọc, phòng studio, phát sóng... một cách linh động, dễ dàng và tránh nhầm lẫn.
Hệ thống Multiview Grass Valley 48x4	Hệ thống giám sát tín hiệu vào ra. Hỗ trợ 48 tín hiệu input và 4 tín hiệu output. Thông qua bộ chuyển điều khiển Remote có thể dễ dàng thay đổi layout hiển thị. Hỗ trợ chức năng cảnh báo cho từng nguồn tín hiệu.
Hệ thống intercom Clearcom	Hệ thống Intercom là hệ thống truyền thông nhanh chóng và tiện ích, có chức năng kết nối các phòng ban trong nội bộ trung tâm với nhau.
Hệ thống phòng đọc live	Hệ thống phòng đọc live thực hiện việc đọc các tín hiệu trực tiếp, các trận đấu thể thao.
Hệ thống truyền file tốc độ cao IBM/Aspera	Hệ thống truyền file từ hiện trường, sự kiện hay các giải thể thao trong nước và quốc tế cho hệ thống SXCT để kịp thời biên tập, chỉnh sửa.
Máy chủ lưu trữ đồ họa - Graphic Hub	Là hệ thống quản lý lưu trữ đồ họa tập trung
Máy trạm cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp (Adobe, C4D...)	Là máy trạm cài đặt các phần mềm thiết kế đồ họa chuyên nghiệp Adobe, C4D...
Máy trạm cho phần mềm thiết kế đồ họa Vizrt Artist	Là máy trạm cài đặt phần mềm thiết kế đồ họa chuyên nghiệp của hãng Vizrt.
Máy chủ chạy đồ họa camera ảo	Máy chủ thực hiện chức năng render đồ họa ảo. Phục vụ cho làm đồ họa 3D, đồ họa ảo cho trường quay.
Máy chủ chạy đồ họa	Máy chủ thực hiện render đồ họa phục vụ cho việc thể hiện đồ họa ở trường quay.
Máy trạm điều khiển đồ họa, Videowall, Ticker	Máy chủ thực hiện điều khiển chạy đồ họa, điều khiển videowall, đồ họa ticker.
Máy chủ chạy tin Ticker	Máy chủ thực hiện render đồ họa phục vụ cho việc thể hiện đồ họa Ticker.
Máy chủ chạy đồ họa Video Wall	Máy chủ thực hiện render tín hiệu hiển thị trên videowall.
Hệ thống phần mềm làm tin của hãng Octopus	Là hệ thống phần mềm làm tin chuyên nghiệp giúp đạo diễn biên tập dễ dàng tạo và quản lý các kịch bản bản tin

Thiết bị, Phần mềm	Mô tả chức năng
Bộ phần mềm làm tin: Adobe Premier, Adobe Audition	Phục vụ cho việc dựng tin, voiceover.
Hệ thống phần cứng datadasse, Agent server	Hệ thống core của bộ phận làm tin quản lý database và service kết nối hệ thống bên ngoài lấy dữ liệu.
Workstation và laptop cài đặt phần mềm làm tin	Phần cứng cài phần mềm làm tin cho người dùng.
Bộ phần mềm dựng chương trình: Adobe Premier, Adobe Audition, Adobe After effect, Adobe Media Encoder	Là các phần mềm dựng và chỉnh sửa video chuyên nghiệp. Cho phép tạo các hiệu ứng hình ảnh, âm thanh tạo ấn tượng đối với người xem. Là phần không thể thiếu trong một hệ thống sản xuất chương trình hiện đại.
Gồm các máy trạm cài đặt phần mềm và các phụ kiện chuyên dụng cần thiết như màn hình, Sound card, bàn phím, tai nghe kiểm âm.	Hệ thống phần cứng cài đặt phần mềm dựng và các phụ kiện để thực hiện việc dựng chương trình.
Camera trường quay	Camera thực hiện ghi hình trong trường quay. Camera có chân cố định, có chất lượng hình ảnh cao, góc quay rộng. Được thiết kế cho trường quay không gian hẹp, cần phải lấy góc quay rộng.
Camcorder ENG lưu động	Camera ghi hình lưu động, dễ dàng di chuyển trong trường quay để tìm được góc quay tối ưu, thể hiện đúng ý đồ của đạo diễn.
Camcorder cầm tay	Camera cho sản xuất lưu động với tiêu chí nhỏ gọn linh động. Sử dụng với mục đích quay những khung hình linh hoạt với chất lượng ghi hình không cao nhưng có giá trị về tư liệu.
Hệ thống đèn	Hệ thống đèn trường quay, với nhiều loại đèn phục vụ cho nhiều concept khác nhau. Hệ thống cho phép chủ động về ánh sáng đến đối tượng quay, đúng theo yêu cầu của đạo diễn, đảm bảo chất lượng hình ảnh.
Hệ thống Multiview	Hệ thống multiview giám sát cho trường quay. Cho phép đạo diễn giám sát chi tiết từng hạng mục trên trường quay, điều chỉnh các đối tượng quay, nhân vật quay để thể đúng ý đồ của kịch bản.

**- Hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu:**

Trên cơ sở nguồn là các chương trình truyền hình đã mua bản quyền, các chương trình trên hệ thống lưu trữ, nguồn cấp băng thông internet, hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu thực hiện hoạt động điều chỉnh thông số kỹ thuật của tín hiệu, cấp tín hiệu đến đúng tuyến truyền dẫn theo quy định, yêu cầu cung cấp dịch vụ của Tổng công ty.

- Truyền hình: Xử lý tín hiệu các kênh truyền hình trên hệ thống của VTVcab. Đầu ra của hệ thống là các kênh chương trình truyền hình đủ điều kiện truyền dẫn đến khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền.

Hạng mục	Tên thiết bị	Mô tả hoạt động của thiết bị
Khối lưu trữ	Server lưu trữ Near Line Server lưu trữ Off Line	Lưu trữ các chương trình truyền hình hoàn thiện, các clip quảng cáo để cấp cho khối phát sóng.
Khối phát sóng	Server phát sóng Automation phát sóng. Các thiết bị kết nối	Ghép nhiều chương trình truyền hình thành một kênh truyền hình. Một server có thể phát nhiều kênh chương trình. Thứ tự các chương trình truyền hình trên một kênh chương trình được thiết lập trong list phát sóng.
Khối thu tín hiệu từ các nguồn bên ngoài	Thiết bị thu tín hiệu vệ tinh Thiết bị thu tín hiệu quang Thiết bị thu tín hiệu internet	Tiếp nhận các kênh chương trình từ các nguồn bên ngoài Đài THVN cấp đến VTCab để truyền dẫn trên hệ thống truyền hình cáp của VTCab.
Khối xử lý tín hiệu truyền hình	Encoder Mux Các thiết bị kết nối	Điều chỉnh tốc độ bit của kênh chương trình truyền hình đến đúng tốc độ theo thiết kế. Ghép nhiều chương trình truyền hình vào một khung tín hiệu để phục vụ truyền dẫn. Số lượng chương trình truyền hình trong một khung tín hiệu phụ thuộc vào nội dung và độ nét của chương trình Khoá mã tín hiệu truyền hình để đảm bảo việc quản lý quyền xem chương trình
Khối điều chế tín hiệu	Điều chế tín hiệu truyền hình tương tự Điều chế tín hiệu truyền hình số	Chuyển đổi từ tín hiệu truyền hình băng gốc thành tín hiệu cao tần phù hợp với hệ thống truyền dẫn. Các loại điều chế phải đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn của truyền hình Việt Nam
Khối quản lý quyền xem chương trình	Server quản lý quyền xem chương trình. Phần mềm quản lý quyền xem chương trình	Xác nhận quyền xem chương trình truyền hình đối với từng thiết bị thu tại nhà khách hàng theo quy định của Tổng Công ty. Chỉ những thiết bị được cấp quyền mới có khả năng thu xem tín hiệu.

- Internet:

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
CMTS	Sử dụng tiêu chuẩn DOCSIS. Chuyển đổi tín hiệu theo chuẩn IP sang tín hiệu cao tần cấp đến khách hàng sử dụng dịch vụ. Tiếp nhận tín hiệu từ khách hàng để xử lý và gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu.
OLT	Sử dụng tiêu chuẩn GPON Chuyển đổi tín hiệu theo chuẩn IP sang tín hiệu quang đến khách hàng sử dụng dịch vụ Tiếp nhận tín hiệu từ khách hàng để xử lý và gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu.
Chuyển mạch	Định hướng kết nối đến nhà cung cấp dịch vụ truy cập internet trong nước và quốc tế
Hệ thống xác nhận dịch vụ	Quản lý băng thông, quyền kết nối vào hệ thống của khách hàng



**Hệ thống truyền dẫn:**

Tín hiệu truyền hình, internet sau khi được điều chế lên tần số cao theo quy hoạch tần số của VTCab sẽ được đưa vào hệ thống truyền dẫn để cấp đến khách hàng sử dụng dịch vụ. Toàn bộ các kênh truyền hình tương tự, truyền hình số, internet đều được truyền trên một sợi cáp duy nhất đến khách hàng. Hệ thống truyền dẫn chia làm 2 phần chính: mạng truyền dẫn trực chính và mạng truyền dẫn tại nhà khách hàng.

Mạng truyền dẫn trực chính: VTCab thực hiện đầu tư, xây lắp toàn bộ mạng truyền dẫn trực chính. Địa điểm lắp đặt mạng trực chính là trên các trục đường phối tại địa phương. Mạng trực chính sử dụng hai loại công nghệ là mạng HFC và GPON.

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
Máy phát quang	Chuyển đổi tín hiệu điện từ cao tần thành tín hiệu quang
Máy thu quang chiều về	Chiều đổi tín hiệu internet quang thành tín hiệu điện từ cao tần cấp đến CMTS
Máy thu quang chiều đi	Chiều đổi tín hiệu quang thành tín hiệu điện từ cao tần. Thiết bị được lắp tại headend địa phương, hub.
Node quang	Chuyển đổi tín hiệu quang thành tín hiệu điện từ cao tần. Thiết bị được trên mạng cáp trực chính ngoài trời
Cáp quang trực chính, gồm các loại cáp 12, 24, 36, 48, 96 sợi. Có các loại cáp có dây gia cường, cáp phi kim loại treo trực tiếp, cáp chôn ngầm.	Truyền dẫn tín hiệu quang, cho phép kết nối giữa headend, hub với node quang, thiết bị phân phối quang.
Thiết bị phân phối quang	Phân chia tín hiệu quang đến các điểm kết nối theo thiết kế.
Thiết bị phân phối điện từ. Bao gồm các loại tap, chia outdoor	Phân chia tín hiệu cao tần đến các điểm kết nối theo thiết kế. Được lắp đặt ngoài trời.
Khuếch đại cao tần	Bù đắp phần tín hiệu cao tần bị suy hao trong quá trình truyền dẫn trên cáp đồng trục.
Cáp đồng trục trực chính, gồm cáp QR540, cáp RG11	Truyền dẫn tín hiệu điện từ cao tần giữa node quang, khuếch đại, thiết bị phân chia.
Các loại connector	Kết nối giữa cáp quang, cáp đồng trục với thiết bị phân chia, node quang, khuếch đại ...

Mạng truyền dẫn trong nhà khách hàng: Đây là phần thiết bị được VTCab bán cho khách hàng sử dụng dịch vụ. Các thiết bị này cho phép kết nối từ thiết bị thu xem, sử dụng dịch vụ trong nhà khách hàng đến mạng truyền dẫn trực chính của VTCab ngoài đường.

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
Cáp đồng trục RG6	Truyền dẫn tín hiệu điện từ cao tần từ bộ tap outdoor đến thiết bị trong nhà khách hàng
Chia indoor các loại	Phân phối tín hiệu điện từ cao tần trong nhà

Tên thiết bị	Mô tả tính năng
	khách hàng
Khuếch đại indoor	Bù đắp phần tín hiệu điện tử cao tần bị suy hao trong quá trình truyền dẫn.
Cáp quang thuê bao	Truyền dẫn tín hiệu quang từ hộp phân phối quang đến thiết bị thu trong nhà khách hàng
STB truyền hình số	Giải mã tín hiệu truyền hình số để cấp đến thiết bị thu của khách hàng. VTVcab quản lý đến từng STB để giám sát quyền xem chương trình.
Modem Docsis	Chuyển đổi tín hiệu internet cao tần thành tín hiệu internet IP để khách hàng sử dụng dịch vụ. Sử dụng tiêu chuẩn Docsis
ONU	Chuyển đổi tín hiệu internet quang thành tín hiệu IP để khách hàng sử dụng dịch vụ. Sử dụng tiêu chuẩn GPON

### 3.6. Trình độ công nghệ

VTVcab là đơn vị hoạt động kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật, nên việc lựa chọn đúng công nghệ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. VTVcab luôn áp dụng những công nghệ mới và tiên tiến nhất trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ đó cung cấp đến khách hàng dịch vụ với chất lượng cao nhất. Với những giải pháp công nghệ đã đưa vào sử dụng, VTVcab đã khẳng định vị thế là đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình cáp số một tại Việt Nam. Hiện VTVcab đã có gần 2 triệu thuê bao truyền hình cáp trên cả nước, chiếm gần 30% tổng số thuê bao truyền hình trả tiền trên toàn quốc. Về cơ bản, công nghệ của VTVcab đã đáp ứng được 100% nhu cầu về sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền, 80% nhu cầu về dịch vụ internet của khách hàng tại Việt Nam. Hệ thống truyền hình trả tiền của VTVcab có đầy đủ các kênh truyền hình hay nhất với chất lượng HD, có số lượng kênh truyền hình nhiều nhất. Nguyên nhân khiến dịch vụ internet phần nào chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của khách hàng là VTVcab đang trong quá trình chuyển đổi công nghệ truyền dẫn.

#### ✦ **Đánh giá về trình độ công nghệ của VTVcab so với thế giới và của Đài Truyền hình Việt Nam**

##### - **Hệ thống sản xuất chương trình**

###### + *Hiện trạng công nghệ của thế giới*

Hiện nay cùng với việc phát triển mạnh về công nghệ truyền hình nói chung thì các công nghệ, quy trình áp dụng trong lĩnh vực sản xuất chương trình cũng đang phát triển và thay đổi rất nhanh. Việc chuyển từ sản xuất đơn lẻ các công đoạn chuyển hóa dần sang tích hợp quy chuẩn hóa tất cả các khâu, các quy trình. Dịch chuyển dần từ sản xuất HD sang 4K, 8K. Dưới đây là các xu hướng trên thế giới:

- Sản xuất các nội dung HD, chuyển dịch dần sang 4K và tiến tới 8K.
- Sử dụng các hệ thống làm tin nhanh, chuyên nghiệp (Newsroom).
- Sử dụng các hệ thống quản lý, thiết kế Graphic mạnh mẽ.
- Sử dụng các Studio hiện đại, áp dụng công nghệ đồ họa 3D, ảo hóa.
- Hệ thống PAM quản lý trung tâm, tích hợp các hệ thống đơn lẻ, quy trình hóa các khâu sản xuất.

+ *Hiện trạng của Đài THVN*

Đài THVN là đơn vị truyền hình lớn nhất cả nước, sản xuất các chương trình lớn về số lượng cũng như quy mô. Là một đơn vị mạnh dạn đầu tư các công nghệ mới vì vậy hệ thống sản xuất của Đài THVN hiện là một trong những hệ thống hiện đại hàng đầu của Việt Nam và ngang bằng trên thế giới. Áp dụng những sản phẩm tốt, mới và hiện đại trên thế giới.

Hiện nay, hệ thống sản xuất chương trình của Đài THVN đang được xây dựng chia ra nhiều mảng do nhiều đơn vị quản lý trong đó có 2 bộ phận chính:

- o Sản xuất tin tức: Hệ thống được đầu tư với hệ thống lõi là Avid + Orad. Đây được đánh giá là hệ thống mạnh trong sản xuất tin tức, thực hiện sản xuất tin nhanh và mạnh mẽ, áp dụng phương thức làm tin tiên tiến, đồ họa 3D, Virtual mạnh mẽ. Nhược điểm của hệ thống này là chưa có hệ thống tự động hóa trường quay dẫn đến vẫn cần nhiều nhân sự vận hành.
- o Sản xuất chương trình: Hệ thống thực hiện từ công đoạn quay phim, tiền kỳ, hậu kỳ, phân phối, lưu trữ. Một hệ thống tổng thể xây dựng trên hệ thống lõi là Dalet tích hợp và quy trình hóa các khâu khác lại thành một quy trình công việc và quản lý xuyên suốt.

+ *Hiện trạng hệ thống sản xuất chương trình của VTVcab*

Hệ thống sản xuất chương trình mà VTVcab đang triển khai là một hệ thống tổng thể được xây dựng mới hoàn toàn dựa trên nền tảng của hãng Vizrt. Áp dụng các công nghệ mới, hiện đại đề cập ở đây là áp dụng quy trình sản xuất, quản lý bằng hệ thống phần mềm và áp dụng kỹ thuật xử lý đồ họa 2D, 3D thời gian thực (realtime 2D/3D) trong sản xuất trực tiếp tại Studio, xe màu (live production). Một hệ thống với những công nghệ hiện đại, tiên tiến ngang hàng với nhiều đài truyền hình trên thế giới như CNN, BBC, Sky Sports...

Trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình của VTVcab dùng giải pháp quản lý và quy trình sản xuất tổng thể đầy đủ các bộ phận, trong đó khối quản lý tập trung với hệ thống mạng Network core, PAM, Graphic storage sẽ là trung tâm của hệ thống, là nơi kết nối, quản lý lưu trữ và phân phối tài nguyên media và graphic với các khối chức năng khác trong hệ thống sản xuất chương trình cũng như hệ thống bên ngoài.

+ *Vị trí công nghệ của VTVcab so với thế giới, Đài THVN.*

VTV và VTVcab đang sở hữu hệ thống sản xuất chương trình với những công nghệ tiên tiến, hiện đại ngang bằng với nhiều đài truyền hình nổi tiếng trên thế giới. Tuy nhiên, do được xây dựng mới hoàn toàn nên VTVcab có được lợi thế hơn về một giải pháp tổng thể, đồng bộ hơn các quy trình sản xuất.

Ở Việt Nam, VTVcab là đơn vị truyền hình đầu tiên có hệ thống tự động hóa việc sản xuất chương trình tại trường quay giúp giảm chi phí nhân sự vận hành.

- Hệ thống xử lý và phân phối tín hiệu:

+ *Hiện trạng công nghệ của thế giới*

Hiện nay công nghệ phát sóng và truyền dẫn nhìn chung trên thế giới đã đi đến giai đoạn cuối của việc số hóa truyền hình. Hầu hết các nước Châu Âu, Châu Đại dương, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đã hoàn thành việc số hóa công nghệ truyền hình; trong khi đó phần lớn các nước còn lại đang trong giai đoạn cuối của quá trình số hóa truyền hình.

Các công nghệ truyền dẫn và phát sóng truyền hình số đã được tiêu chuẩn hóa phổ biến như:

- Các tiêu chuẩn truyền hình DVB: sử dụng phổ biến ở Châu Âu và Việt Nam.
- Truyền hình cáp: DVB C, DVB C2,
- Truyền hình số mặt đất: DVB T, DVB T2
- Truyền hình vệ tinh: DVB S, DVB S2, DVB S2X, DVB SH
- Ngoài ra một số quốc gia sử dụng các tiêu chuẩn truyền hình khác như ATSC (truyền hình số mặt đất/ cáp); ATSC 2.0 sử dụng tại Mỹ, Bắc Mỹ.
- Các tiêu chuẩn ISDB: ISDB-T (mặt đất); ISDB-S (vệ tinh) và ISDB-C (cáp) sử dụng ở các nước như Nhật, các nước Châu Mỹ La Tinh.
- Các tiêu chuẩn DTMB, DMB: DTMB (mặt đất); T-DMB (mặt đất); S-DMB (vệ tinh) sử dụng bởi Trung Quốc
- Công nghệ nén video trong truyền hình số trên thế giới phổ biến nhất hiện nay là công nghệ nén H.264 (hay MPEG4 part10) cho tiêu chuẩn truyền hình số HD (Truyền hình độ nét cao); các nước tiên tiến như Nhật Bản thì đã sử dụng chuẩn nén mới HEVC (H.265) với tỷ lệ nén cao gấp 2 so với H.264 cho truyền hình độ phân giải siêu cao (UltraHD và 4K, 8K).

+ *Hiện trạng công nghệ của Đài truyền hình Việt Nam*

Hiện tại Đài THVN đang sử dụng công nghệ truyền dẫn phát sóng theo tiêu chuẩn truyền hình số mặt đất DVB T2 sử dụng chuẩn nén H.264; Lộ trình số hóa toàn quốc cũng đã tiến hành giai đoạn cuối, dự kiến đến 31/12/2020 sẽ hoàn thành. Hiện nay, Đài THVN cũng chú trọng phát triển công nghệ Truyền hình Internet và OTT.

Đối với dịch vụ, hiện tại các kênh phát sóng của đài THVN đang phát trên cả tiêu chuẩn SD, HD và đang nghiên cứu, lên kế hoạch sản xuất, truyền dẫn và phát sóng dịch vụ Truyền hình số UHD, 4K, 8K

+ *Hiện trạng Công nghệ VTVcab*

Hiện nay VTVcab đang sử dụng công nghệ truyền dẫn và phát sóng theo tiêu chuẩn DVB C; công nghệ nén video sử dụng H.264 đồng thời sẽ đầu tư nâng cấp lên H.265 trong tương lai gần.

VTVcab cung cấp đồng thời cả dịch vụ truyền hình số tiêu chuẩn SD và truyền hình số chất lượng cao HD; bên cạnh đó đã và đang nghiên cứu thử nghiệm phát sóng truyền hình độ phân giải siêu cao UHD, 4K trên mạng truyền hình Cáp thành công.

VTVcab đang cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu VOD, truyền hình trực tuyến trên nền tảng OTT (với sản phẩm VTVcab ON).

Công nghệ truyền dẫn VTVcab đang sử dụng có 2 loại là HFC và GPON. HFC là hệ thống truyền dẫn kết hợp giữa cáp quang và cáp đồng trục. GPON là công nghệ sử dụng hoàn toàn cáp quang.

+ *Vị trí của công nghệ so sánh với thế giới, Đài THVN*

So sánh công nghệ truyền hình cáp trên thế giới hiện nay, VTVcab đang sử dụng những công nghệ tiên tiến nhất cho dịch vụ truyền hình của mình để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Hiện nay tiêu chuẩn DVB C vẫn đang phù hợp với sự phát triển nhưng VTVcab cũng sẵn sàng cho việc chuyển lên tiêu chuẩn mới DVB C2 cho phép truyền tải nhiều nội dung hơn.

Đối với công nghệ nén H.264 và sẽ đầu tư H.265 để bắt kịp xu thế phát triển công nghệ đồng

thời tối ưu băng thông truyền tải. Mặt khác, qua các kết quả thử nghiệm cho thấy, việc phát sóng dịch vụ truyền hình UHD, 4K là hoàn toàn khả thi đối với mạng truyền hình Cáp của VTVcab hiện nay.

VTVcab đã cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu (VOD), truyền hình trực tuyến trên nền tảng OTT (VTVcab ON) theo xu hướng phát triển của truyền hình thế giới trong những năm qua.

Các bước phát triển công nghệ của VTVcab cũng đã và đang theo lộ trình và định hướng mà Đài THVN, Bộ TTTT quy hoạch nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất.

#### - **Hệ thống truyền dẫn.**

##### + *Hiện trạng trên thế giới*

Hiện nay, công nghệ truyền dẫn trong lĩnh vực truyền hình cáp trên thế giới đang trong giai đoạn chuyển đổi từ công nghệ HFC sang công nghệ FTTx. Đây là một quá trình kéo dài vì hầu hết những nhà cung cấp truyền hình cáp lớn trên thế giới đều sở hữu hệ thống HFC tương đối hoàn thiện, được đầu tư nâng cấp qua nhiều giai đoạn, năng lực cung cấp còn rất lớn và vẫn phần nào đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng. Tuy nhiên, đứng trước áp lực cạnh tranh của các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông đã chuyển đổi hoàn toàn sang công nghệ FTTx, với khả năng vượt trội về năng lực cung cấp dịch vụ, các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp bắt buộc phải có những chuyển đổi về công nghệ nếu muốn giữ được thị phần.

Các hãng truyền hình cáp trên thế giới duy trì công nghệ HFC, Comcast XFINITY, Time Warner Cable (Mỹ); Numericable, Videopole (Pháp), ....

Các hãng truyền hình cáp trên thế giới đã đầu tư hệ thống FTTx: AT&T, Verizon FIOS (Mỹ), Virgin Media (Anh)

VTVcab đang sử dụng 2 công nghệ truyền dẫn là HFC và FTTx (tiêu chuẩn GPON).

##### + *Hiện trạng của Đài Truyền hình Việt Nam*

Đài Truyền hình Việt Nam có hệ thống truyền dẫn là truyền hình vô tuyến mặt đất (số và tương tự), truyền hình vệ tinh. Đây là những công nghệ truyền dẫn không nằm trong lĩnh vực mà VTVcab đang cung cấp dịch vụ.

##### + *Hệ thống truyền dẫn của VTVcab*

Hệ thống truyền dẫn HFC là hệ thống đã được xây dựng từ khi VTVcab mới phát triển. Trong quá trình phát triển VTVcab luôn sử dụng những thiết bị hiện đại, phương án thiết kế tiên tiến nhất. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, công nghệ này đang bộc lộ nhiều hạn chế, dần trở nên không đáp ứng được yêu cầu chất lượng dịch vụ.

VTVcab đã đầu tư hệ thống truyền dẫn theo công nghệ GPON ở nhiều khu vực do VTVcab quản lý. Đây là công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay, cho phép nhà cung cấp dịch vụ đáp ứng tối đa nhu cầu của người sử dụng dịch vụ.

##### + *Vị trí công nghệ so với thế giới*

Đánh giá về trình độ công nghệ trong lĩnh vực truyền dẫn, VTVcab có trình độ công nghệ tương đương với các hãng truyền hình trả tiền lớn nhất trên thế giới. Tuy nhiên, VTVcab cần đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ FTTx để đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ internet của khách hàng trong giai đoạn sắp tới.

### 3.7. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

**✦ Các sản phẩm VTVcab đang phát triển:****- Truyền hình trên internet OTT**

Truyền hình trên internet hay còn gọi là OTT (viết tắt của cụm từ Over The Top) là công nghệ truyền hình dựa trên nền tảng công nghệ IP. Với điều kiện băng thông của hệ thống internet đủ lớn, nhà cung cấp dịch vụ truyền hình có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp dịch vụ truyền hình trên hệ thống internet. Có hai loại hình cung cấp dịch vụ truyền hình trên internet là IPTV và OTT. Trong đó IPTV là loại hình cung cấp dịch vụ truyền hình trên internet nội mạng, tức là chỉ dịch truyền hình chỉ cung cấp cho những khách hàng sử dụng dịch vụ internet của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông. Dịch vụ OTT là dịch vụ truyền hình trên internet không phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ internet. Khách hàng có thể sử dụng dịch vụ internet của bất kỳ đơn vị nào cũng có thể sử dụng được dịch vụ truyền hình này.

Dịch vụ OTT tận dụng được lợi thế tương tác hai chiều của dịch vụ internet để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm truyền hình theo xung hướng hiện đại như truyền hình theo yêu cầu, truyền hình tương tác, xem lại chương trình, truyền hình di động, truyền hình với nhiều loại màn hình, .... Đây là một xu hướng mới trong lĩnh vực truyền hình trả tiền. Sản phẩm mới này đã đáp ứng được nhu cầu của những khách hàng ở những địa điểm VTVcab không thể thiết lập hạ tầng truyền dẫn, những khách hàng có nhu cầu chủ động lựa chọn chương trình truyền hình ưa thích, nội dung truyền hình ưa thích hay những bộ phim, clip mong muốn, không bị phụ thuộc vào lịch cố định của kênh truyền hình.

Dịch vụ truyền hình OTT là xu hướng tất yếu của truyền hình trên thế giới. Với tốc độ phát triển của công nghệ xử lý tín hiệu, công nghệ IP và sự phát triển trình độ dân trí nói chung. Tiềm năng phát triển của dịch vụ OTT là rất lớn. Tất cả những hãng truyền hình trả tiền lớn trên thế giới đều đã đầu tư triển khai dịch vụ OTT.

**- Truyền hình số theo tiêu chuẩn DVB-T2:**

Theo lộ trình số hoá truyền hình Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ, đến 2020 toàn bộ các hệ thống truyền hình tại Việt Nam bao gồm cả truyền hình vô tuyến mặt đất, truyền hình cáp đều phải dừng phát sóng truyền hình tương tự. Tiêu chuẩn truyền hình số bắt buộc phải có khả năng thu xem của tivi được sản xuất và bán tại thị trường Việt Nam là DVB-T2. Hiện tại, VTVcab đang truyền dẫn khoảng 60 kênh truyền hình tương tự trên mạng truyền hình cáp tại các khu vực trên toàn quốc. Như vậy, đến 2020 toàn bộ những kênh truyền hình này sẽ phải ngừng phát sóng, gây ra khả năng mất một lượng lớn khách hàng. Để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, VTVcab sẽ thực hiện truyền dẫn các kênh truyền hình trên mạng truyền hình cáp sử dụng tiêu chuẩn DVB-T2.

Sản phẩm này sẽ đáp ứng được nhu cầu của những khách hàng đã có thiết bị thu xem (tivi, STB) theo tiêu chuẩn DVB-T2 tiếp tục sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền của VTVcab mà không chuyển đổi sang sử dụng dịch vụ truyền hình khác.

Tiềm năng phát triển của dịch vụ truyền hình số DVB-T2 là rất lớn. Theo thống kê của hãng sản xuất tivi Samsung, trong năm 2016 Samsung đã bán ra khoảng hơn 1 triệu tivi có khả năng thu tín hiệu DVB-T2 tại thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ban đề án số hoá truyền hình Việt Nam là đến năm 2020, khoảng 90% hộ dân tại Việt Nam có thiết bị thu xem theo tiêu chuẩn truyền hình số DVB-T2. VTVcab đã phát sóng tín hiệu DVB-T2 tại mạng truyền hình cáp thành phố Hồ Chí Minh với 80 kênh truyền hình.

**✦ Các sản phẩm đang nghiên cứu:**

**- Wifi công cộng:**

Wifi công cộng là hệ thống cung cấp dịch vụ kết nối internet theo tiêu chuẩn wifi tại các khu vực công cộng đông người như trường học, bệnh viện, sân vận động. Hệ thống cho phép khách hàng sử dụng các thiết bị di động như smart phone, máy tính bảng, máy tính xách tay...có khả năng kết nối wifi để kết nối vào internet. Khách hàng có thể trả phí hoặc không trả phí nhưng phải xem quảng cáo khi sử dụng dịch vụ.

+ Kế hoạch thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện
Tháng 1/2016 đến tháng 6/2016	Nghiên cứu lựa chọn tiêu chuẩn, tìm hiểu các hãng sản xuất thiết bị	Đã hoàn thành. Tiêu chuẩn sử dụng là IEEE 802.11 b/g/n. Hãng sản xuất thiết bị : Motorola, Cisco, ....
Tháng 7/2016 đến 12/2016	Thử nghiệm các hệ thống để đánh giá và xác định bộ thông số kỹ thuật	Đã lắp đặt và thử nghiệm hệ thống wifi công cộng tại văn phòng của VTVcab.
Tháng 1/2017 đến 8/2017	Thiết kế hệ thống, lập dự toán đầu tư	Đang thực hiện
Tháng 9/2017 đến 12/2017	Thi công lắp đặt, vận hành	
Tháng 1/2018 đến tháng 3/2018	Chạy thử hệ thống, đo đạc thông số kỹ thuật. Lập phương án kinh doanh	
Tháng 4/2018	Triển khai kinh doanh	

+ Hiện nay, VTVcab đã có hệ thống cung cấp dịch vụ internet băng thông rộng phủ hầu hết các khu vực đông dân cư, khu vực công cộng đông người qua lại. Tại các khu vực này, nhu cầu sử dụng dịch vụ internet tức thời để xem truyền hình theo công nghệ OTT, kiểm tra thông tin giao dịch cá nhân, tìm kiếm các dịch vụ là rất lớn. Đây là một thị trường tiềm năng nhưng còn rất ít nhà cung cấp dịch vụ. Với việc cung cấp dịch vụ này, VTVcab sẽ tận dụng tối đa băng thông của hệ thống internet, tạo khả năng quảng bá thương hiệu và dịch vụ của VTVcab, tận thu nguồn quảng cáo.

**- Internet of Thing (IOT):**

Dịch vụ cho phép người dùng điều khiển, giám sát, kiểm soát các thiết bị điện tử, môi trường từ xa. Người sử dụng có thể quan sát hình ảnh nhà ở khi đi công tác, bật hoặc tắt các thiết bị điện.

+ Kế hoạch thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện
Tháng 6/2016 đến tháng 12/2016	Nghiên cứu lựa chọn tiêu chuẩn, tìm hiểu các hãng sản xuất thiết bị	Đã hoàn thành. Sử dụng tiêu chuẩn Zigbee, wifi. Hãng sản xuất: Dasan, Asic, Humax, ...
Tháng 1/2017 đến 8/2017	Thử nghiệm các hệ thống để đánh giá và xác định bộ thông số kỹ thuật	Đã thử nghiệm thiết bị của Asic. Đang liên hệ với một số hãng khác để thử nghiệm.
Tháng 9/2017 đến 12/2017	Thiết kế hệ thống, lập dự toán đầu tư	
Tháng 1/2018 đến	Đầu tư mua sắm.	

Thời gian	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện
3/2018		
Tháng 4/2018 đến tháng 6/2018	Lắp đặt, chạy thử hệ thống, đo đạc thông số kỹ thuật.	
Tháng 7/2018 đến 10/2018	Huấn luyện kỹ thuật viên lắp đặt thiết bị	
Tháng 10/2018	Triển khai kinh doanh	

– Khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình cáp và internet của VTVcab sẽ được bổ sung thêm dịch vụ IOT. Đây là một xu hướng phát triển dịch vụ gia tăng đang có nhu cầu lớn trên thế giới và đã dần phát triển ở Việt Nam. Căn nhà của người Việt Nam và trên thế giới đang được công nghệ hóa bởi những thiết bị có khả năng kết nối internet để người sử dụng có thể giám sát, điều khiển từ xa. Theo số liệu của những đơn vị nghiên cứu về công nghệ, thị trường thiết bị IOT sẽ có giá trị nhiều tỷ USD trong thời gian tới.

### 3.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

VTVcab là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông với các sản phẩm là truyền hình trả tiền, internet, quảng cáo, truyền thông sự kiện. Đây là ngành nghề có sự cạnh tranh rất cao. Chính vì vậy VTVcab luôn đặt vấn đề chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng là yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty.

*Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, VTVcab đã thực hiện các công việc:*

- Ban hành các bộ chỉ tiêu thiết bị, chỉ tiêu về tín hiệu, chỉ tiêu công cụ, dụng cụ. Các bộ chỉ tiêu của VTVcab được xây dựng trên cơ sở các bộ chỉ tiêu quốc tế, chỉ tiêu và tiêu chuẩn quốc gia.
- Ban hành các quy trình đo kiểm vật tư, thiết bị được sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ đến khách hàng. Đầu tư trang thiết bị để phục vụ đo kiểm thông số kỹ thuật, chỉ tiêu tín hiệu. Ban hành các quy trình nghiệm thu công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc truyền dẫn tín hiệu từ trung tâm đến khách hàng.
- Nghiêm túc thực hiện các quy trình đo kiểm vật tư, quy trình nghiệm thu tại các đơn vị. Thành lập các bộ phận có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các chi nhánh. Xử lý nghiêm những trường hợp để xảy ra tình trạng chất lượng sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn. Cụ thể, VTVcab đã thực hiện nâng cấp và cải tạo hệ thống kỹ thuật truyền dẫn trong các năm qua như sau:

Thời điểm	Thay mới				Sửa chữa	
	Node quang	Khuếch đại	Cáp quang	Cáp QR540	Node quang	Khuếch đại
Năm 2014	211 bộ	1.322 bộ	450 km	2.100 km	143 bộ	671 bộ



Năm 2015	327 bộ	1.640 bộ	520 km	2.420 km	159 bộ	726 bộ
Năm 2016	293 bộ	1.125 bộ	600 km	3250 km	294 bộ	887 bộ
Năm 2017 (dự tính)	350 bộ	1.800 bộ	850 km	2.000 km	300 bộ	1.000 bộ

- Chuyển đổi công nghệ truyền dẫn từ mạng HFC (kết hợp cáp quang và cáp đồng trục) sang mạng FTTx (mạng truyền dẫn chỉ sử dụng cáp quang). Đây là công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay. Tính đến thời điểm tháng 4/2017, VTVcab đã đầu tư lắp đặt là 130.000 port có khả năng cung cấp dịch vụ cho 3 triệu thuê bao.

*Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, VTVcab đã thực hiện các công việc:*

- Thành lập hệ thống tổng đài trả lời khách hàng trên toàn quốc với số điện thoại 19001515. Tổng đài có trách nhiệm tiếp nhận thông tin của khách hàng về chất lượng dịch vụ, phản ánh đến bộ phận chức năng triển khai xử lý.

- Ban hành quy định về thời gian xử lý sự cố tại nhà khách hàng với tiêu chí thời gian là: với khách hàng sử dụng 3 dịch vụ trở lên thời gian xử lý sự cố là tối đa là 1 giờ, khách hàng sử dụng 2 dịch vụ thời gian xử lý sự cố tối đa là 2 giờ, khách hàng sử dụng 1 dịch vụ thời gian xử lý sự cố tối đa là 4 giờ. Tỷ lệ xử lý trong khoảng thời gian 1 giờ đạt trên 60% tổng số sự cố.

- Ban hành quy định về thời gian lắp đặt, cấp tín hiệu đến khách hàng với tiêu chí thời gian thực hiện tối đa là 6 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin của khách hàng.

- Thành lập bộ phận chuyên trách giám sát chất lượng dịch vụ tại nhà khách hàng, tất cả các trường hợp để khách hàng phàn nàn về chất lượng dịch vụ đều bị xử lý kỷ luật nghiêm khắc. Các đơn vị vận hành hệ thống thường xuyên nhắc nhở, giáo dục nhân viên về chất lượng dịch vụ đối với khách hàng là yêu cầu quyết định đến sự phát triển của VTVcab, thực hiện nghiêm túc việc ghi phiếu nghiệm thu lắp đặt, bảo hành tại nhà khách hàng.

- Nhân viên của Tổng đài chăm sóc khách hàng có trách nhiệm hỏi toàn bộ khách hàng về chất lượng sau khi lắp đặt, sau khi xử lý sự cố. Hơn 90% khách hàng trả lời hài lòng về chất lượng dịch vụ của VTVcab. Tất cả các khách hàng là công ty, doanh nghiệp, khách sạn đều được chủ động kiểm tra chất lượng tín hiệu, bảo trì định kỳ tối thiểu là 3 tháng/lần.

Chiến lược phát triển của VTVcab là phát triển trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế, chất lượng dịch vụ không ngừng cải tiến, hoàn thiện, hài lòng khách hàng sử dụng dịch vụ. Trên cơ sở đó, VTVcab đã triển khai xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO – 9001/2015.

### 3.9. Hoạt động Marketing

- **Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh thương hiệu và các dịch vụ của VTVcab**

Năm 2013 đánh dấu bước ngoặt của VTVcab với việc ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới. Với mạng lưới phương tiện truyền thông dày đặc, đa dạng, trong những năm gần đây, hình

ảnh thương hiệu và dịch vụ VTVcab đã đến gần hơn rất nhiều với khách hàng trên toàn quốc. VTVcab chú trọng phát triển hình ảnh thương hiệu trên hệ thống biển bảng và các kênh truyền hình. Đây là các phương tiện đòi hỏi ngân sách quảng cáo lớn, tuy nhiên VTVcab đã tận dụng nguồn quảng cáo các kênh để trao đổi nguồn lực. Điều này giúp VTVcab vẫn có nguồn thu quảng cáo để chi các hoạt động marketing và không ảnh hưởng đến dòng tiền của đơn vị. Cùng với đó, từ năm 2013 đến 2015 cũng là giai đoạn phát triển nóng của VTVcab với hệ thống chi nhánh phát triển mở rộng ra toàn quốc. Hình ảnh, dịch vụ VTVcab theo đó cũng mở rộng ra toàn quốc và trở thành thương hiệu truyền hình trả tiền gần gũi nhất với khách hàng.

**- Xây dựng chính sách khuyến mại**

Cùng với việc mở rộng địa bàn chủ yếu bằng hình thức sáp nhập các đơn vị truyền hình trả tiền nhỏ khác, VTVcab luôn có chính sách khuyến mại để chăm sóc lượng khách hàng cũ và khuyến khích với các khách hàng tham gia mới dịch vụ. Đặc biệt, chính sách khuyến mại của VTVcab luôn hướng tới việc gắn bó dài lâu với khách hàng bằng các chính sách khuyến khích đóng trước thuê bao. Để tránh giảm doanh thu thuê bao cho phương án tặng thêm tháng sử dụng, VTVcab đã sử dụng quà tặng từ các nguồn trao đổi quảng cáo. Đây thực sự là điểm nhấn trong công tác marketing của VTVcab giai đoạn này. Để cải thiện và nâng cao công tác chăm sóc khách hàng, VTVcab đang tiến tới triển khai các câu lạc bộ khách hàng thân thiết tại từng địa bàn – một kênh tương tác gắn kết giữa VTVcab và khách hàng.

**3.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

**3.10.1. Logo:**



**3.10.2. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

**Bảng 8: Danh sách đăng ký nhân hiệu**

STT	Số GCN Đăng ký nhân hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp
1.	235994	25/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
2.	235993	25/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
3.	236090	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
4.	236089	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	236087	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
6.	236088	26/11/2014	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ
7.	257390	26/01/2016	Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

3.11. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 9: Các hợp đồng lớn Tổng công ty đang thực hiện

STT	Hợp đồng	Đối tác	Ngày ký	Giá trị hợp đồng (theo năm) (Đồng)	Nội dung
1	010/10/2013/HĐH T/YEG- VTVcab	Công ty CP tập đoàn Đại Sứ Trẻ	01/01/2014	555.935.011.800	Khoán kênh XHH VTVcab 17
2	03a/2014/HDHT/ VTVcab -ITV	Công ty CP truyền thông ITV	01/01/2014	159.374.246.000	Khoán kênh XHH VTVcab 15
3	Phụ lục 06 hợp đồng 252/VCTV/PHAN XIPANG/2012	Công ty CP Truyền thông Phanxipang	15/10/2015	100.735.000.000	Hợp đồng khoán kênh xã hội hóa
4	206/2014/HĐKT/ VTVcab - DIDTV	Cty CP Phát triển truyền thông QT Ảnh Bình Minh	05/02/2014	90.600.000.000	Hợp đồng quảng cáo kèm hợp đồng truyền dẫn
5	Phụ lục 10 Hợp đồng 159/VCTV - STV/20018	Công ty CP Truyền hình Cáp STV	26/05/2014	76.312.500.000	Phụ lục hợp đồng (trao đổi) kèm Hợp đồng Xã hội hóa
6	34a/2015/HĐHT/ VTVcab-VTVpcd-TTM	Công ty CP đầu tư giải trí tâm nhìn mặt trắng	01/01/2015	40.440.000.000	Khoán kênh XHH VTVcab19
7	314/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty CP Công nghệ Đông Dương	02/12/2015	39.354.991.500	Mua sắm OLT, ONU triển khai mạng cáp GPON tại các tỉnh Tiền Giang, Ninh Bình, Thanh Hoá
8	150/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty CP Công nghệ Đông Dương	01/07/2015	38.228.696.000	Mua sắm STB Hybrid đợt 1 năm 2015 (40K STB Humax VTV 200)
9	315/2015/HĐKT/ VTVcab-IC	Công ty CP Công nghệ Đông Dương	02/12/2015	38.123.143.300	Mua sắm OLT, ONU triển khai mạng cáp GPON tại các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên và TP Bà Rịa-Vũng Tàu
10	181/2014/HĐKT/ Long Hưng - VTVcab	Công ty TNHH DTTM & DV Long Hưng	09/05/2014	36.400.000.000	Hợp đồng trao đổi quảng cáo-hàng hóa

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

**3.12. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai**

Tình hình sử dụng đất đai tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 còn được giao quản lý sử dụng 03 khu đất với tổng diện tích là: 333,7m<sup>2</sup> cụ thể như sau:

Tên tài sản/cơ sở đất	Địa điểm	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng	Hình thức	Hồ sơ pháp lý
0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	173	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 16/2/2012
					Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 009467 ký giữa Công ty TNHH TM-XD-KD nhà Thanh Nhựt và Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 10/09/2013.
Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội	Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội	69,7	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy đất có trả tiền thuê đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được GD Sở Tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 05/3/2014
Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	93	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/10/2012, số vào sổ cấp GCN: CT01471
					Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký giữa Công ty cổ phần điện tử - ảnh màu Nha Trang và Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam ngày 26/06/2014
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>333,7</b>			

*Trong đó:*

- **Tại địa chỉ: 0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.**
  - + Hiện trạng của Chung cư:
    - Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT
    - Số tầng: 12
    - Diện tích căn hộ: 173 m<sup>2</sup>
  - + Hiện trạng sử dụng: Căn hộ đang được sử dụng làm Văn Phòng Call Center đại diện phía Nam của Trung tâm Dịch vụ khách hàng để thực hiện công tác tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng khu vực phía Nam.
  - + Nguồn gốc, quá trình sử dụng của Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam: Kể từ ngày 10/9/2013, Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã ký hợp đồng mua bán căn hộ với Công ty TNHH Thương mại xây dựng kinh doanh nhà Thanh Nhựt, kể từ khi ký hợp đồng mua bán đến ngày 25/12/2013 Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam nhận bàn giao căn hộ và đưa vào sử dụng làm Văn Phòng Call Center khu vực phía Nam cho đến nay.
- **Địa chỉ số 2: Số 3, dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.**
  - + Hiện trạng của khu đất
    - Kết cấu: Bê tông
    - Số tầng: 03
    - Diện tích căn hộ: 69,70 m<sup>2</sup> (tổng diện tích sử dụng là 195,6m<sup>2</sup>)
  - + Hiện trạng sử dụng: Căn nhà hiện nay tầng 1 được sử dụng làm Showroom giới thiệu sản phẩm công nghệ truyền hình trả tiền, tầng 2, tầng 3 của căn nhà được sử dụng làm Văn Phòng làm việc của các đơn vị và một phần được sử dụng làm kho chứa tài liệu của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam.
  - + Nguồn gốc: Ngày 4/12/2012 Tổng công Ty đã ký kết Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Ông Nguyễn Xuân Minh và vợ là Bà Nguyễn Thanh Hương cả hai có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 10 Nhà Hòa, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội với mảnh đất và căn nhà trên đất đó: Số 3 dãy B 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội.
- **Địa chỉ số 3 tại Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa: Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa**
  - + Hiện trạng của khu đất
    - Kết cấu: Tường gạch, mái tôn, nền gạch men
    - Số tầng: 1 tầng ( nhà cấp 4)

- Diện tích căn nhà: 93m<sup>2</sup>

- + Hiện trạng sử dụng: Căn nhà hiện nay sử dụng làm Văn Phòng đại diện của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại Khánh Hòa.
- + Nguồn gốc, quá trình sử dụng của Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam: Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần điện tử ảnh màu Nha Trang được ký tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kể từ ngày 01/3/2014. Sau khi tiếp nhận căn nhà Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam bố trí làm trụ sở giao dịch cho Chi nhánh VTVcab tại Khánh Hòa.

#### 4. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động có tên trong Tổng công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) là: 2.063 người với cơ cấu như sau:

**Bảng 10: Cơ cấu lao động**

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
<b>Tổng số lao động</b>		<b>100%</b>
<b>Trong đó:</b>	<b>2.063</b>	
Phân theo trình độ		
- Trình độ đại học và trên đại học	884	42,85%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	894	43,34%
- Công nhân kỹ thuật	194	9,40%
- Lao động sơ cấp chưa qua đào tạo	91	4,41%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Lao động không xác định thời hạn	620	30,05%
- Lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	1416	68,64%
- Lao động thời vụ hoặc theo công việc có thời hạn dưới 12 tháng	20	0,97%
- Đối tượng không thuộc diện ký hợp đồng lao động	7	0,34%

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

Tổng công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định hiện hành của pháp luật lao động. Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, chính xác, kịp thời.

**5. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015)**

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ – THVN ngày 25/05/2017 của Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thuộc Đài truyền hình Việt Nam, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam để cổ phần hóa như sau:

- **Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa:** 7.900.989.726.162 đồng (*Bằng chữ: Bảy nghìn chín trăm tỷ chín trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi hai đồng*).

**Trong đó:**

- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là:** 6.350.280.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm năm mươi tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*).

**Bảng 11: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2015**

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1. Vốn nhà nước	450.810.762.757	6.350.280.000.000	5.899.469.237.243
2. Nợ phải trả	1.550.709.726.162	1.550.709.726.162	-
3. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
4. Giá trị doanh nghiệp (4=1+2+3)	2.001.520.488.919	7.900.989.726.162	5.899.469.237.243

*(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)*

Đồng thời, Thông báo số 522/TB-VPCP ngày 07/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về kéo dài thời gian hoàn thành bán cổ phần lần đầu và không điều chỉnh giá trị sổ sách khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Việt Nam ghi rõ: Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam không phải điều chỉnh lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 đã được Đài truyền hình Việt Nam công bố.

## 6. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Theo Biên bản thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 để cổ phần hóa ký ngày 25/05/2017 giữa Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVcab, Đại diện VTVcab và Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, VTVcab hiện đang hạch toán theo dõi trên sổ sách kế toán toàn bộ giá trị nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất của 03 tài sản (01 tại TP Hồ Chí Minh, 01 tại TP Hà Nội, 01 tại Khánh Hòa) với nguyên giá là: **29.128.825.000 đồng**. Đến thời điểm lập Biên bản thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của VTVcab để cổ phần hóa, VTVcab đã phối hợp với các đơn vị, ban ngành thực hiện kiểm tra hiện trạng nhà đất và chờ kết quả xác định giá trị. Sau khi được Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố phê duyệt phương án sử dụng đất, nếu có chênh lệch giá trị VTVcab sẽ thực hiện điều chỉnh, bổ sung vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm VTVcab chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

### 1. Cơ sở pháp lý

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Công văn số 1285/THVN-KHTC ngày 09/08/2013 của Đài THVN gửi VTVcab và VTV Broadcom về việc Tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc Đài;
- Công văn số 2124/THVN-KHTC ngày 10/12/2013 của Đài THVN gửi Văn phòng Chính phủ V/v báo cáo tình hình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp;
- Công văn số 153/THVN-KHTC ngày 24/01/2014 của Đài THVN gửi các Công ty TNHH MTV do Đài THVN làm chủ sở hữu và Người đại diện tại các công ty có vốn góp của Đài V/v triển khai tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp;



- Văn bản số 609/THVN-KHTC ngày 14/04/2014 về việc mời họp tái cơ cấu cổ phần hoá Doanh nghiệp của Trường ban KHTC – Đài THVN;
- Quyết định số 853/QĐ-THVN ngày 15/05/2014 của Đài THVN về việc thành lập Ban chỉ đạo tái cơ cấu và cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Đài THVN;
- Tờ trình số 583/TTr-KHTC ngày 12/06/2014 của Trường ban KHTC – Đài THVN Về việc dự thảo công văn báo cáo và xin thủ tướng CP phê duyệt phương án tái cơ cấu tổng thể các DN thuộc Đài THVN;
- Thông báo số 344/TB-VPCP ngày 21/08/2014 về kết luận của Thủ tướng CP Nguyễn Tấn Dũng tại hội nghị giao ban về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;
- Văn bản số 1580/THVN-KHTC ngày 26/09/2014 của Trường Ban KHTC – Đài THVN về việc xây dựng phương án tái cơ cấu, cổ phần hoá doanh nghiệp;
- Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
- Công văn số 31/BĐMDN ngày 10/03/2015 về việc báo cáo tình hình tái cơ cấu DNNN trực thuộc Đài THVN của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp;
- Công văn số 396/THVN-KHTC ngày 17/03/2015 về việc xây dựng phương án cổ phần hoá doanh nghiệp của Đài THVN;
- Báo cáo số 239/VTVcab ngày 17/03/2015 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình Cáp Việt Nam của VTVcab;
- Tờ trình số 477/TTr-VTVcab ngày 05/05/2015 về việc uỷ quyền tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hoá, xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ công tác cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam của VTVcab;
- Công văn số 785/THVN-KHTC ngày 20/05/2015 về việc lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hoá, xác định giá trị doanh nghiệp của Đài THVN;
- Công văn số 4155/VPCP-ĐMDN ngày 05/06/2015 của Văn phòng Chính phủ về Hội nghị giao ban tái cơ cấu DNNN Quý II năm 2015;
- Báo cáo 665/BC-VTVcab ngày 16/06/2015 về việc công tác cổ phần của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam;
- Công văn số 2090/THVN-KHTC ngày 14/12/2015 về việc báo cáo giải trình bổ sung đề án tái cơ cấu các doanh nghiệp do Đài THVN đầu tư, góp vốn;
- Công văn 56/TTg – ĐMDN ngày 07/01/2016 về việc Đề án sắp xếp, tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc Đài THVN;
- Quyết định số 180/QĐ-THVN ngày 04/02/2016 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa VTVcab;
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH VTVcab ngày 25/02/2016 về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa và phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab);

- Thông báo số 203/TB-VTVcab ngày 02/03/2016 về việc chuẩn bị công tác cổ phần hóa;
- Quyết định số 268/QĐ-THVN ngày 04/03/2016 phê duyệt danh sách các doanh nghiệp thuộc Đài THVN thực hiện;
- Văn bản số 01/BCĐCPHVTVcab ngày 05/04/2016 Báo cáo về việc triển khai tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp do đài THVN đầu tư, góp vốn;
- Văn bản số 5206/BTC-TCĐN ngày 15/04/2016 báo cáo tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Đài THVN;
- Văn bản số 549b/QĐ-THVN ngày 26/04/2016 về việc phê duyệt dự toán gói thầu " cung cấp dịch vụ tư vấn xác định GTDN" để CPH;
- Quyết định số 561b/QĐ-THVN ngày 27/04/2016 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn xác định GTDN VTVcab để cổ phần hóa;
- Quyết định số 03/QĐ-BCĐCPH VTVcab ngày 18/05/2016 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu " cung cấp dịch vụ tư vấn xác định GTDN VTVcab" để CPH của Ban chỉ đạo CPH;
- Thông báo số 695/TB-VTVcab ngày 30/05/2016 về việc triển khai công việc xác định GTDN để CPH;
- Thông báo số 756/TB-VTVcab ngày 08/06/2016 về việc kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ, hàng tồn kho khối văn phòng Tổng công ty để CPH;
- Văn bản số 04/BCĐCPH VTVcab ngày 15/07/2016 báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng dịch vụ tư vấn xác định GTDN;
- Văn bản số 05/BC-VTVcab ngày 18/07/2016 về việc tình hình thực hiện hợp đồng dịch vụ tư vấn xác định GTDN để CPH của VTVcab;
- Văn bản số 05/BCĐCPH-VTVcab ngày 26/07/2016 dự toán chi phí cổ phần hóa của VTVcab;
- Tờ trình số 1002/TTr-VTVcab ngày 29/07/2016 về việc "Dự toán chi phí CPH VTVcab";
- Văn bản 4967/STC-QLCS ngày 16/08/2016 của Sở Tài Chính phê duyệt giá đất của Tổng Công Ty truyền hình cáp Việt Nam;
- Văn bản 1532/TTg-ĐMDN ngày 30/08/2016 về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn;
- Quyết định 1283/QĐ-THVN ngày 09/09/2016 về việc phê duyệt và công bố GTDN của VTVcab để CPH";
- Văn bản 1456/THVN- BCĐCPHVTVcab ngày 07/10/2016 về việc kiểm toán kết quả định giá các doanh nghiệp thuộc đài THVN;
- Quyết định 1437/QĐ-THVN ngày 07/10/2016 về việc hủy bỏ Quyết định số 1283/QĐ-THVN ngày 9/9/2016 của tổng giám đốc đài THVN về việc phê duyệt và công bố GTDN của vtvcab;
- Quyết định 1865/QĐ-KTNN ngày 17/11/2016 về việc quyết định kế hoạch kiểm toán bổ sung năm 2016;
- Quyết định 1912/QĐ-KTNN ngày 30/11/2016 về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố Giá trị doanh nghiệp CPH đối vs Cab và Saigontourist; Quyết định 1740/QĐ-THVN ngày 05/12/2016 về việc phê duyệt dự toán chi phí CPHVTVcab của Đài THVN;
- Công văn số 60/VTVcab ngày 19/01/2017 ý kiến về dự thảo báo cáo thẩm định của kiểm

toán nhà nước;

- Công văn số 86/VTVcab ngày 02/02/2017 ý kiến về dự thảo BCTĐ của KTNN sau cuộc họp ngày 20/01/2017 Văn bản số 385/KTNN-CNV ngày 22/02/2017 về việc kiến nghị tăng thu giảm chi NSNN qua kiểm toán tại VTVcab;
- Văn bản số 141/KTNN-TH ngày 22/02/2017 về việc gửi báo cáo của Kiểm Toán Nhà Nước;
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPHVTVcab ngày 06/03/2017 về việc bổ sung thay thế thành viên tổ giúp việc Ban Chỉ Đạo Cổ phần hóa của VTVcab;
- Văn bản số 366/ THVN- KHTC ngày 21/03/2017 về việc doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020;
- Văn bản số 5139/VPCP-ĐMDN ngày 19/05/2017 về việc doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 713/QĐ-THVN ngày 25/05/2017 về việc phê duyệt và công bố giá trị Doanh nghiệp của VTVcab để CPH;
- Quyết định số 714/QĐ-THVN ngày 25/05/2017 về việc phê duyệt dự toán gói thầu Thuê tư vấn lập phương án CPH của Đài THVN;
- Quyết định số 05/QĐ-BCĐCPHVTVcab ngày 02/06/2017 về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị và thương thảo hợp đồng thuê tư vấn lập phương án CPH của Ban chỉ đạo CPH;
- Quyết định số 741/QĐ-THVN ngày 02/06/2017 về việc phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu gói thuê tư vấn CPH;
- Quyết định số 07/QĐ-BCĐCPHVTVcab ngày 05/06/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê tư vấn lập phương án CPH, xây dựng điều lệ, tư vấn bán cổ phần lần đầu, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông lần đầu của VTVcab của Ban chỉ đạo CPH;
- Quyết định số 2165/STC-VGCS ngày 13/06/2017 về việc phương án sắp xếp lại xử lý đất của VTVcab tại tỉnh Khánh Hòa;
- Tờ trình số 733/TTr-VTVcab ngày 16/06/2017 về việc kéo dài thời gian phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh CPH của VTVcab;
- Văn bản 5272/UBND ngày 21/06/2017 về việc việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của VTVCab trên địa bàn Khánh Hòa;
- Quyết định 941/QĐ-THVN ngày 11/07/2017 về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện CPH của Đài THVN;
- Văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/07/2017 về việc phê duyệt danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng giai đoạn 2017-2020
- Quyết định 7627/VPCP- ĐMND ngày 20/07/2017 về việc phương án sử dụng đất khi phê duyệt phương án CPH Doanh nghiệp nhà nước của Văn phòng Chính Phủ;
- Văn bản 1149/THVN-KHTC ngày 04/08/2017 của Đài THVN gửi Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị giữ nguyên giá trị doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán cổ phần đối với VTVcab và sử dụng giá xác định theo phương pháp DCF làm cơ sở để tính giá khởi điểm bán cổ phần;

- Văn bản số 253/CV-CKCT07 ngày 04/08/2017 đề xuất phương án xử lý vướng mắc trong quá trình xây dựng CPH VTVcab của Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;
- Tờ trình số 923/TTr-VTVcab ngày 04/08/2017 về việc đề xuất xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa của VTVcab
- Văn bản số 10851/BTC-QLCS ngày 15/08/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Đài truyền hình Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Văn bản 8570/VPCP-ĐMDN ngày 15/08/2017 của Văn phòng Chính Phủ gửi Đài THVN về việc đề nghị giữ nguyên Giá trị doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán Cổ phần của VTVcab;
- Văn bản số 11060/BTC-QLCS ngày 18/08/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Đài Truyền hình Việt Nam trên địa bàn Hà Nội.
- Công văn số 7133/BKHĐT-PTDN ngày 31/08/2017 của Bộ Kế hoạch đầu tư gửi Văn Phòng Chính Phủ về việc tham gia ý kiến về việc giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và không điều chỉnh giá trị sổ sách tại VTVcab
- Quyết định số 1282/QĐ-THVN ngày 01/09/2017 về việc giữ lại, tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất tại tỉnh Khánh Hòa và Hà Nội của VTVCab
- Văn bản số 12113/BTC-TCDN ngày 12/09/2017 về việc giữ nguyên giá trị Doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện bán cổ phần đối với VTVcab và không điều chỉnh giá trị sổ sách theo giá trị doanh nghiệp.
- Văn bản số 12167/BTC-TCDN ngày 13/09/2017 về việc báo cáo tình hình cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp
- Công văn số 6684/ UBND-KT ngày 25/10/2017 Sắp xếp , xử lý cơ sở nhà đất của UBND HCM gửi Bộ Tài Chính
- Biên bản Hội nghị đại biểu CBCNV Bất thường ngày 26/08/2017 về việc thông qua phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam;
- Văn bản số 14878/BTC-QLC ngày 03/11/2017 của Bộ Tài Chính về việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thuộc Đài THVN trên địa bàn TP HCM.
- Thông báo số 522/TB-VPCP ngày 07/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về kéo dài thời gian hoàn thành bán cổ phần lần đầu và không điều chỉnh giá trị sổ sách khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Việt Nam.
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Báo cáo số 16/BC-VTVcab ngày 22/12/2017 báo cáo về việc tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp danh sách nộp hồ sơ của nhà đầu tư chiến lược khi Cổ phần hóa của VTVcab gửi ban chỉ đạo CPH

- Tờ trình số 02 TTr-VTVcab ngày 08/01/2018 về việc xây dựng và triển khai phương án CPH của VTVcab gửi Ban chỉ đạo CPH
- Biên bản họp về việc xây dựng và triển khai phương án CPH của Ban chỉ đạo CPH ngày 09/01/2018
- Công văn số 46/VTVcab của VTVcab ngày 11/01/2018 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách với người lao động khi cổ phần hóa.
- Thông báo số 11/TB –VTVcab ngày 11/01/2018 về việc mua cổ phần ưu đãi của người lao động khi cổ phần hóa.
- Biên bản Hội nghị đại biểu cán bộ công nhân viên bất thường ngày 20/01/2018 về việc thông qua những thay đổi trong phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình Cáp Việt Nam.
- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

## 2. Sự cần thiết của việc cổ phần hóa

Trước đòi hỏi của cơ chế thị trường và sự cạnh tranh trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, thực hiện theo chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước để có sự đổi mới, phát huy nội lực để đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước cũng như quốc tế, bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn những khó khăn, năng lực tài chính của doanh nghiệp còn hạn chế, do vậy để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam giai đoạn 2017 – 2022, thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty là một yêu cầu khách quan và cần thiết trong tình hình hiện nay. Cổ phần hóa là dịp để Tổng công ty tiến hành rà soát, đánh giá và khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, tận dụng ưu điểm nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, năng lực cạnh tranh trên thị trường, chất lượng cuộc sống của tập thể người lao động, đồng thời cũng là biện pháp nhằm huy động mọi nguồn lực và sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm để đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong thời gian tới.

## 3. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty;
- Huy động các nguồn vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất

nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

#### **4. Cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Tổng Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp Tổng công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường Upcom, trong thời hạn tối đa 01 (một) năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **5. Tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần**

Công ty cổ phần:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác có liên quan;
- Được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.


#### **6. Hình thức cổ phần hóa**

Theo điều 5 Nghị định 126/2017/NĐ - CP ngày 16/11/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần có quy định các hình thức cổ phần hóa như sau:

- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ
- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Căn cứ đặc điểm tình hình của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, Tổng công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 1 điều 5 Nghị định 126/2017/NĐ - CP cụ thể: "***Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành***

thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”.

### 7. Tên gọi Tổng công ty sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
Tên viết tắt bằng tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	VIETNAM TELEVISION CABLE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt bằng tiếng Anh:	VTVcab
Trụ sở chính:	Số 844 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	024. 37714929
Fax:	024. 38317364
Website:	<a href="http://vtvcab.vn">http:// vtvcab.vn</a> .
Logo Công ty:	

### 8. Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Tổng công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam được tự do kinh doanh trong các ngành nghề mà luật không cấm.

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty cần đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh bao gồm:

- ❖ Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền*).
- ❖ Hoạt động viễn thông có dây (*Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp; Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng viễn thông có dây*).
- ❖ Sản xuất thiết bị truyền thông.
- ❖ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá).
- ❖ Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (*Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình*).
- ❖ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- ❖ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- ❖ Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (*Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán)*).
- ❖ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu (*Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền)*).
- ❖ Hoạt động viễn thông khác.

- ❖ Xuất bản phần mềm (Chi tiết: xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính).
- ❖ Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...).
- ❖ Hoạt động công thông tin (Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng; Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ; Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử (Chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)).
- ❖ Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động).
- ❖ Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) (Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán: Dịch vụ cổng thanh toán điện tử, Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; Dịch vụ ví điện tử).

## 9. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

### 9.1. Vốn điều lệ

Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Tổng công ty tại thời điểm cổ phần hóa, Vốn điều lệ của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam dự kiến sau khi cổ phần hóa là: **884.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Tám trăm tám mươi tư tỷ đồng).

### 9.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tổng số cổ phần của Tổng công ty dự kiến tại thời điểm thành lập là 88.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

**Bảng 12. Bảng cơ cấu vốn điều lệ của của công ty dự kiến sau cổ phần hóa**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với VDL
1	Nhà nước	45.081.076	450.810.760.000	51,00%
2	Cổ phần ưu đãi Bán cho cán bộ công nhân viên	1.026.300	10.263.000.000	1,16%



STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với VDL
2.1	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong KVNN (giá mua bằng 60% giá trị 1 cổ phần tính theo mệnh giá - 10.000 đồng/cổ phần)</i>	873.500	8.735.000.000	0,99%
2.2	<i>Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết (giá mua là giá khởi điểm được cơ quan đại diện sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa)</i>	152.800	1.528.000.000	0,17%
3	Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác	42.292.624	422.926.240.000	47,84%
<b>Tổng cộng</b>		<b>88.400.000</b>	<b>884.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**10. Loại cổ phần và phương thức phát hành**

Tất cả cổ phần của Tổng công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông với mệnh giá là: **10.000 đồng/cổ phần**. Tổng số cổ phần của Tổng công ty dự kiến tại thời điểm thành lập là: **88.400.000 cổ phần**. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**11. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Tổng công ty**

Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, doanh nghiệp phải thực hiện lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý. Nội dung này đã từng được quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, tuy nhiên hiện tại Nghị định 59/2011/NĐ – CP đã hết hiệu lực. Bên cạnh đó, thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP để thay thế cho Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH vẫn chưa được ban hành, vì vậy ngày 11 tháng 01 năm 2018, VTVcab đã có Công văn số 46/VTVcab gửi Bộ Lao động, thương binh & Xã hội đề nghị hướng dẫn thực hiện chính sách với người lao động khi cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Bộ Lao

động, thương binh & Xã hội chưa có công văn trả lời. Để đảm bảo tiến độ cổ phần hóa theo Thông báo số 522/TB-VPCP ngày 07/11/2017 của Văn phòng Chính phủ, VTVcab đã tiến hành lập danh sách lao động và xây dựng Phương án sử dụng lao động (chi tiết trong mục 16 chương III trong Phương án này) theo các nội dung quy định tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH (được vận dụng cho phù hợp với các quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. VTVcab sẽ điều chỉnh các nội dung có liên quan trong phương sử dụng lao động sau khi có văn bản trả lời của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội)

**11.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước:**

- Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 2.063 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 1.879 người.
- Tổng số năm công tác được mua cổ phần ưu đãi: 8.735 năm.
- Tổng số người lao động đăng ký mua cổ phần: 1.879 người
- Tương ứng với số cổ phần đăng ký mua là: **873.500 cổ phần** (*Tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm cổ phần*).
- Giá bán: Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).
- Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.

**11.2 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu):**

- Tiêu chí xác định đối tượng người lao động được mua thêm cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần cụ thể như sau:
  - + Tiêu chí để được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần/01 người. Đối tượng và điều kiện áp dụng như sau:
    - o Người lao động thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần;
    - o Không vi phạm các nội quy, quy chế của Tổng công ty, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức kiến trách trở lên trong vòng 03 năm gần nhất tính tới ngày 31/12/2015.
    - o Có thời gian làm việc còn lại tính đến thời điểm đủ điều kiện nghỉ hưu từ đủ 03 năm trở lên;
    - o Có cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
  - + Tiêu chí để được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tại

doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần/01 người áp dụng đối với người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

*Đối tượng và điều kiện áp dụng như sau:*

- Người lao động thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần;
- Là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao;
- Có thời gian làm việc còn lại tính đến thời điểm đủ điều kiện nghỉ hưu từ đủ 03 năm trở lên;
- Có cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

*Người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phải đáp ứng đủ các tiêu chí như sau:*

- Không vi phạm các nội quy, quy chế, không bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 03 năm gần nhất;
  - Có chứng chỉ, bằng cấp đào tạo từ bậc đại học trở lên;
  - Hiện đang là cán bộ từ cấp phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên; hoặc người lao động khác hiện đang giữ bậc lương chuyên gia/chuyên viên chính/kỹ sư chính/chuyên viên ở ngạch A4, bậc 7/7 theo thang bảng lương của Tổng công ty.
- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm xác định định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng (Không vi phạm kỷ luật lao động của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất tính đến ngày 31/12/2015) và có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm ( kể từ ngày Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau::
- + Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp theo trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
    - Số người được mua: 1.724 người
    - Số cổ phần đã đăng ký: 46.300 cổ phần
  - + Mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp theo tại doanh nghiệp, nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người đối với đối tượng là các chuyên gia giỏi và cán bộ quản lý có trình độ nghiệp vụ cao.
    - Số người được mua: 129 người
    - Số cổ phần đã đăng ký: 106.500 cổ phần
- Tổng số lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 73 người.
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi thêm: **152.800 cổ phần**, với tổng giá trị theo mệnh giá là **1.528.000.000 đồng** (Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng), chiếm tỷ lệ **0.17%** vốn điều lệ.

- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá cổ phần công khai.

## 12. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn

Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn là 0 cổ phần.

Ngày 25/08/2017, Ban chấp hành Công đoàn Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có văn bản số 03/CV-CĐVTVcab gửi Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam về việc mua cổ phần ưu đãi trong Tổng công ty của công đoàn Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, theo đó căn cứ vào tình hình tài chính của Công đoàn năm 2016, Ban chấp hành Công đoàn thấy không còn kinh phí để mua cổ phần ưu đãi của Tổng công ty, toàn thể Ban chấp hành Công đoàn thống nhất 100% không mua cổ phần ưu đãi của Tổng công ty (có biên bản họp Ban chấp hành Công đoàn ngày 12/06/2017).

## 13. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Mục b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”. Đồng thời, theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020, Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam không thuộc nhóm các doanh nghiệp mà Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa. Vì vậy, Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam không thuộc nhóm đối tượng cần tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

## 14. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

- Số cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: **42.292.624 cổ phần**, với tổng giá trị theo mệnh giá là **422.926.240.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), chiếm tỷ lệ **47,84%** vốn điều lệ.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo đúng quy định của Pháp luật.
- Phương thức thực hiện đấu giá: Đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá khởi điểm: 140.900 đồng/cổ phần (được tính và lựa chọn theo phương pháp dưới đây)
- Thời gian thực hiện: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa
- Cuộc bán đấu giá cổ phần lần đầu sẽ được thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Đơn vị tư vấn bán cổ phần lần đầu: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc).

**15. Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài.**

- Căn cứ Quyết định số 713/QĐ – THVN ngày 25/05/2017 của Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thuộc Đài truyền hình Việt Nam, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: 6.350.280.000.000 đồng. Theo BCTC năm 2015 điều chỉnh theo Báo cáo thẩm định của Kiểm toán nhà nước của VTVcab, giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2015 là 450.810.762.757 đồng, tương đương 45.081.076 cổ phần tính theo mệnh giá. Vậy giá trị mỗi cổ phần mà Nhà nước nắm giữ tại thời điểm 31/12/2015 là 140.864 đồng. Đồng thời, Thông báo số 522/TB-VPCP ngày 07/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về kéo dài thời gian hoàn thành bán cổ phần lần đầu và không điều chỉnh giá trị sổ sách khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Việt Nam có ghi “Đồng ý không điều chỉnh sổ sách kế toán theo kết quả công bố giá trị doanh nghiệp đối với VTVcab. Kết quả công bố giá trị doanh nghiệp của Đài Truyền hình Việt Nam làm cơ sở xác định giá khởi điểm thực hiện bán cổ phần lần đầu của VTVcab”. Vì vậy, VTVcab xác định mức giá khởi điểm là 140.900 đồng/ cổ phần.

**16. Phương án sử dụng lao động**

**Bảng 13 : Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa**

TT	NỘI DUNG	TỔNG
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>2.063</b>
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	7
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	2.056
	<i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	620
	<i>b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	1.416
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i>	20
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động Công ty	
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp</b>	<b>2</b>
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	2
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:	0
	➢ <i>Hết hạn hợp đồng lao động</i>	0
	➢ <i>Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động</i>	0
	➢ <i>Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật</i>	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	0
	<i>a) Số lao động dôi dư</i>	0
	<i>b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm</i>	0
<b>III</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	<b>2.061</b>
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	2.054
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	35
	<i>a) Ốm đau</i>	0

TT	NỘI DUNG	TỔNG
	b) Thai sản	35
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	1
	a) Nghĩa vụ quân sự	0
	b) Nghĩa vụ công dân khác	1
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

### 17. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Tổng Dự toán Chi phí cổ phần hóa Công ty dự kiến là: **2.900.680.000** đồng (Hai tỷ chín trăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng):

**Bảng 14: Chi phí cổ phần hóa dự kiến**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp</b>	<b>677.680.000</b>
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về CPH doanh nghiệp	20.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	52.680.000
3	Chi phí Đại hội người lao động để triển khai cổ phần hoá	200.000.000
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền và công bố thông tin về doanh nghiệp	100.000.000
5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu.	305.000.000
<b>II</b>	<b>Tiền thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, lập phương án cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu</b>	<b>1.700.000.000</b>
1	Tiền thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	1.080.000.000
2	Chi phí thuê tư vấn lập phương án cổ phần hoá, xây dựng Điều lệ	150.000.000
3	Tư vấn bán cổ phần lần đầu	420.000.000
4	Thuê tổ chức tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	50.000.000
<b>III</b>	<b>Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc</b>	<b>423.000.000</b>
1	Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hoá [(6ng x 16 tháng+ 1ng x6 tháng) x 2.500.000đ/ng/tháng]	255.000.000
2	Thù lao cho Tổ giúp việc (7ng x 16 tháng x 1.500.000đ/ng/tháng)	168.000.000
<b>IV</b>	<b>Kinh phí dự phòng</b>	<b>100.000.000</b>
	<b>Cộng</b>	<b>2.900.680.000</b>

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

### 18. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

**Bảng 15: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
<b>A</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>884.000.000.000</b>
<b>B</b>	<b>Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại</b>	<b>450.810.760.000</b>
<b>C</b>	<b>Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến):</b>	<b>5.985.801.241.600</b>
-	Từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước	5.241.000.000
-	Từ bán cổ phần ưu đãi mua thêm cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	21.529.520.000
-	Từ bán cổ phần cho công đoàn	0
-	Từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	0
-	Từ bán đấu giá công khai	5.959.030.721.600
<b>D</b>	<b>Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho người lao động, nhà đầu tư chiến lược và bán đấu giá công khai</b>	<b>433.189.240.000</b>
<b>E</b>	<b>Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại Doanh nghiệp (E) = (A) – (B)</b>	<b>433.189.240.000</b>
<b>F</b>	<b>Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp</b>	<b>2.900.680.000</b>
<b>G</b>	<b>Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư</b>	<b>0</b>
<b>H</b>	<b>Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ (làm tròn)</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (C) – (E) – (F) – (G) – (H)</b>	<b>5.549.711.321.600</b>

*Ghi chú: Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách trên được tính toán dựa trên giả định (i) các đối tượng được chào bán mua hết số cổ phần và (ii) giá đấu thành công bình quân và giá đấu thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài tạm tính bằng giá khởi điểm là 140.900 đồng/cổ phần. Số tiền thu được từ cổ phần hóa và tổng số tiền hoàn vốn ngân sách sẽ được tính toán lại căn cứ kết quả bán cổ phần và chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư thực tế theo đúng các quy định của pháp luật.*

### 19. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Công ty cổ phần

Tổng công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Việt Nam hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Tổng công ty theo mô hình công ty cổ phần như sau:

↓ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng

cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

✦ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

✦ **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

✦ **Ban điều hành:**

– **Tổng Giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

– **Các Phó Tổng Giám đốc:** Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Tổng công ty.

✦ **Các phòng, ban chức năng:** Giữ nguyên số lượng và cơ cấu tổ chức các phòng, Ban, trung tâm và chi nhánh trực thuộc như trước khi cổ phần.



✚ **Các tổ chức khác trong Công ty Cổ phần:** Tổ chức Đảng; Tổ chức Công đoàn và Tổ chức Đoàn Thanh niên

✚ **Công ty con. Công ty liên kết**

– Công ty con:

- + Công ty CP Công nghệ Việt Thành
- + Công ty cổ phần truyền hình tương tác Việt Nam
- + Công ty VTVcab Sport JSC

– Công ty liên kết

- + Công ty TNHH MSTN VTV – Hyundai;
- + Công ty Cổ phần Smart Media;
- + VTVcab Nam Định;
- + Công ty On Plus.

✚ **Khối Tham mưu. Quản lý**

– **Văn phòng:** Tham mưu, tổng hợp giúp Ban lãnh đạo Tổng công ty chỉ đạo, điều hành các hoạt động chung của Tổng công ty và các đơn vị, tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, văn thư, lưu trữ, lễ tân, khánh tiết, thư ký tổng hợp, đào tạo, đoàn ra, đoàn vào, công tác kế hoạch và lập kế hoạch của Tổng công ty.

– **Phòng Nhân sự:** Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc; tham mưu giúp Tổng Giám đốc thực hiện thống nhất quản lý về công tác tổ chức cán bộ, quản lý lao động tiền lương, bảo hiểm và các chế độ chính sách khác có liên quan đến người lao động; phối hợp với các đơn vị khác tham mưu về công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng người lao động.

– **Ban Tài chính Kế toán:** Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại công ty, quản lý sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

– **Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ:** Tham mưu cho Tổng giám đốc về những vấn đề pháp lý, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Tổng công ty.

– **Trung tâm Quản lý nghiệp vụ tài chính:** Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán, Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ xây dựng quy định hạch toán kế toán, chính sách tài chính, chính sách quản lý thuê bao áp dụng thống nhất cho các chi nhánh; Xây dựng quy chế và các biện pháp trong công tác quản lý tài chính các chi nhánh theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Đài THVN và của Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam.

– **Văn Phòng Đảng ủy:** Thực hiện các chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy.

✚ **Khối Kinh doanh, Dịch vụ:**

– **Ban chiến lược và phát triển kinh doanh:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực:

- + Công tác lập kế hoạch kinh doanh, xây dựng chiến lược và phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn; kế hoạch chiến lược đầu tư phát triển kinh doanh truyền hình cáp và các dịch vụ giá trị gia tăng;
  - + Xây dựng, đánh giá phương án đầu tư nhằm đẩy mạnh, phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp và các hoạt động kinh doanh khác theo định hướng phát triển của Tổng công ty.
  - + Hỗ trợ chi nhánh, đơn vị hợp tác lên kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh;
  - + Đàm phán, soạn thảo các hợp đồng hợp tác, liên doanh, phí bản quyền, truyền dẫn tới các đối tác; thuê cột điện...;
  - + Điều tra, nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- **Trung tâm Truyền thông & Marketing:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty và tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phân tích xu hướng, cách thức tiếp cận công chúng, khách hàng tiêu dùng; Xây dựng chiến lược và kế hoạch truyền thông; Quản trị và phát triển thương hiệu; Kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan phát triển các sản phẩm dịch vụ truyền hình mới; Dịch vụ truyền thông đa phương tiện cho đối tác bên ngoài: sản xuất chương trình, tư vấn xây dựng thương hiệu, tổ chức sự kiện; Nội dung phát sóng các kênh chương trình của VCTV và các kênh chương trình nước ngoài phát trên hệ thống mạng truyền hình cáp VCTV; Hoạt động PR, PR nội bộ, kiểm soát hình ảnh; Dự phòng rủi ro về hình ảnh và hình ảnh báo chí trong Tổng công ty và thị trường.
  - **Trung tâm Quản lý thuê bao:** Tham mưu giúp Tổng giám đốc thực hiện các chức năng:
    - + Tổ chức thực hiện công tác quản lý, chăm sóc khách hàng, thu cước thuê bao Truyền hình cáp và các dịch vụ gia tăng khác thuộc địa bàn Tổng công ty quản lý tại Hà Nội và thành phố HCM; quản lý nguồn thu của Tổng công ty từ việc thu phí thuê bao tại các địa bàn được phân công;
    - + Tham gia phát triển hỗ trợ dịch vụ, hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh, thống kê và báo cáo nội bộ của Tổng công ty.
  - **Trung tâm Dịch vụ khách hàng:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:
    - + Thực hiện công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng; tổ chức, thực hiện và tiếp nhận thông tin phản ánh từ khách hàng dưới các hình thức: điện thoại, fax, email, SMS, Website ... nhằm giải đáp, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng về dịch vụ truyền hình cáp, Internet, SD, HD và các dịch vụ gia tăng khác của Tổng công ty;
    - + Tham gia phát triển các dịch vụ của Tổng công ty, hỗ trợ các nghiệp vụ kinh doanh thống kê, báo cáo nội bộ của Tổng công ty và thực hiện các chức năng khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
  - **Trung tâm truyền hình khách sạn:** Kinh doanh, phát triển các dịch vụ Truyền hình cáp, dịch vụ giá trị gia tăng khác của Tổng công ty tới các đối tượng khách hàng là các khách sạn lớn (từ 3 sao trở lên) tại địa bàn khu vực Hà Nội và các địa bàn khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- ✦ **Khối Kỹ thuật**
- **Phòng Kế hoạch đầu tư:** Thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc:

- + Lên kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng hóa, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng công ty;
- + Tổ chức mua sắm thiết bị, phương tiện, hàng hóa thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- **Trung tâm Kỹ thuật Truyền dẫn phát sóng:** Trung tâm Kỹ thuật Truyền dẫn Phát sóng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty: Xây dựng, quản lý, vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống phát sóng các kênh VTVcab, hệ thống lưu trữ, hệ thống thu vệ tinh, thu phát tín hiệu cho các đối tác, headend số, headend analog, mạng truyền dẫn IP, hệ thống hạ tầng phòng máy toàn quốc của Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam; là Trung tâm thu phát chính cung cấp tín hiệu cho các Chi nhánh và các đơn vị Truyền hình cáp trên toàn quốc được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- **Trung tâm Kỹ thuật Viễn thông và Kiểm soát chất lượng mạng:** Trung tâm Viễn Thông và Kiểm soát Chất lượng hạ tầng mạng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng và phát triển hạ tầng và các dịch vụ viễn thông; Kiểm soát chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ.
- **Trung tâm bảo hành:** Thực hiện công tác bảo hành, sửa chữa toàn bộ các thiết bị điện tử, thiết bị mạng truyền hình cáp, thiết bị đầu thu số, morderm và các thiết bị điện tử khác.
- **Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:** Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ thực hiện chức năng quản lý công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên trực thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam.
- **Trung tâm Phát triển dịch vụ nội dung số:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, định hướng, triển khai công tác phát triển các công nghệ, dịch vụ nội dung số của Tổng công ty.
- **Trung tâm Công nghệ thông tin:** Thực hiện các chức năng:
  - + Quản lý, điều hành và phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác quản lý và sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
  - + Ban hành các chính sách an toàn, bảo mật thông tin của Tổng công ty;
  - + Chỉ đạo, điều hành, giám sát và kiểm tra công tác vận hành, khai thác, bảo dưỡng các hệ thống công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
  - + Nghiên cứu, định hướng và tìm kiếm giải pháp, xu hướng công nghệ, phát triển các ứng dụng dịch vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp cải tiến, tối ưu hoá cũng như nâng cấp hệ thống phù hợp tình hình thực tế.
  - + Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành các hệ thống cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet toàn quốc
- **Trung tâm kỹ thuật hạ tầng:**
  - + Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, thực hiện chức năng tổ chức quản lý, thực hiện và tham mưu về công

tác kỹ thuật, hạ tầng mạng truyền hình cáp từ Tổng Công ty đến các chi nhánh và đơn vị hợp tác.

**- Chi nhánh 5:**

Là đơn vị trực thuộc Tổng công ty; có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây lắp hệ thống mạng trục chính hệ thống mạng truyền hình cáp thuộc Tổng công ty; Thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo trì – sửa chữa mạng cáp quang thuộc Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam theo đúng quyết định phân cấp quản lý

**✦ Khôi nội dung:**

**- Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình:**

+ Trung tâm Kỹ thuật Sản xuất chương trình là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng quản lý và khai thác hệ thống kỹ thuật sản xuất chương trình.

+ Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo Tổng công ty xây dựng định hướng phát triển công nghệ sản xuất chương trình.

**- Trung tâm sản xuất nội dung Thể thao**

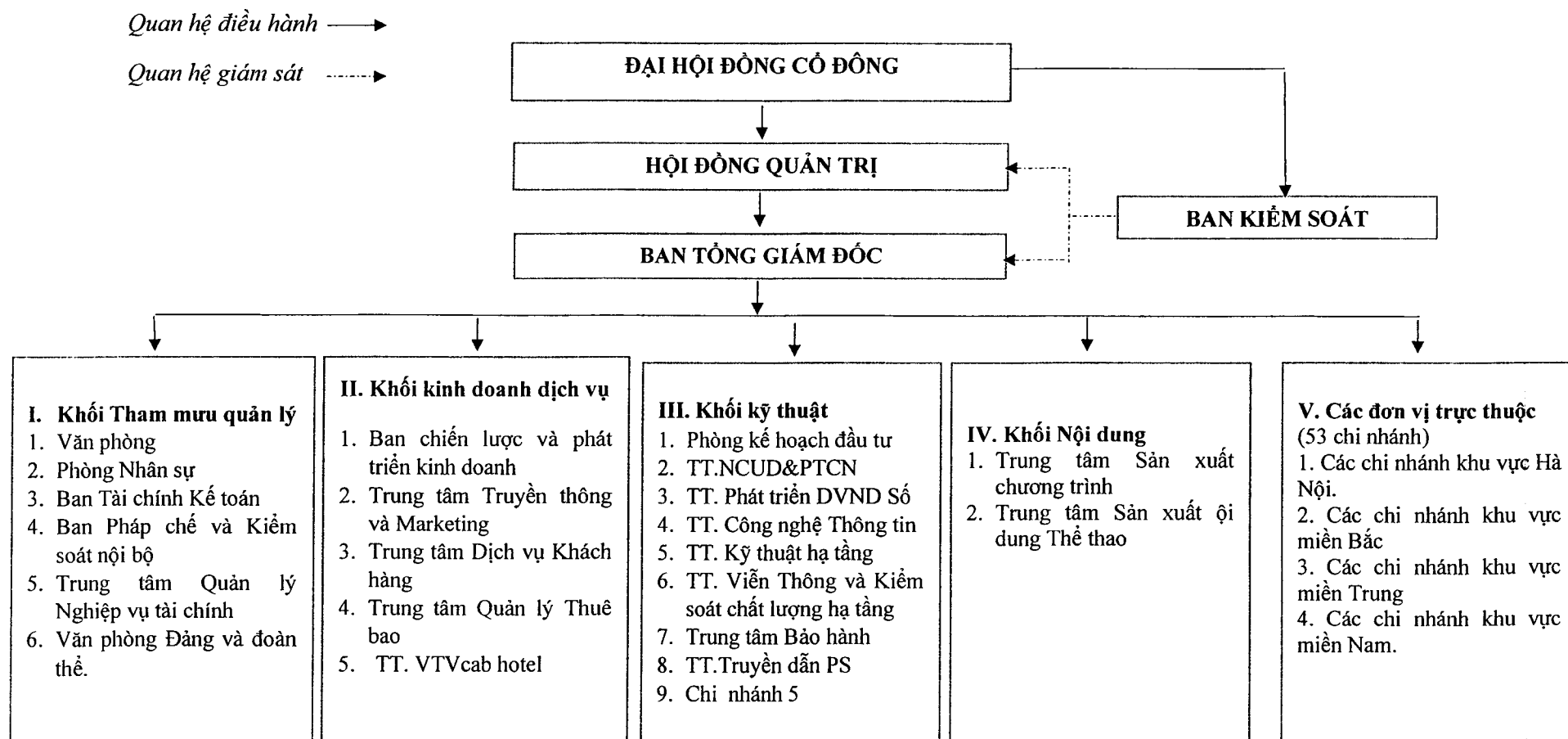
+ Trung tâm Sản xuất Nội dung Thể thao là đơn vị chuyên môn, trực thuộc Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam thực hiện chức năng sản xuất các nội dung thể thao cung cấp trên đa nền tảng theo chiến lược phát triển của Tổng Công ty

**✦ Các chi nhánh:**

- Gồm Chi nhánh khu vực Hà Nội, Các chi nhánh khu vực miền Bắc, Các chi nhánh khu vực miền Trung và Các chi nhánh khu vực miền Nam có chức năng:

+ Tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phát triển khách hàng các dịch vụ truyền hình cáp, internet và các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo địa bàn được phân cấp quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY SAU KHI CỔ PHẦN HÓA



(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

## 20. Phương án sử dụng đất

Ngày 13/04/2017, Đài truyền hình Việt Nam – chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có Công văn số 516/THVN-KHTC gửi UBND tỉnh Khánh Hòa đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét thực hiện các trình tự, thủ tục và quy trình quy định để phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất đối với 01 cơ sở nhà, đất mà VTVcab đang quản lý và sử dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 13/04/2017, Đài truyền hình Việt Nam – chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có Công văn số 517/THVN-KHTC gửi Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tài chính xem xét thực hiện các trình tự, thủ tục và quy trình quy định để phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất đối với 03 cơ sở nhà, đất mà VTVcab đang quản lý và sử dụng tại 03 tỉnh, thành phố là Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 24/04/2017, Đài truyền hình Việt Nam – chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có Công văn số 572/THVN-KHTC đề nghị Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản), Sở Tài chính Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội, Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội, Sở Quy hoạch kiến trúc Thành phố Hà Nội cử cán bộ tham gia phối hợp cùng Đài truyền hình Việt Nam kiểm tra, lập biên bản về hiện trạng tình hình quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất tại số 3, dãy B 142 Đội Cán. Phường Đội Cán, Quận Ba Đình. Thành Phố Hà Nội làm căn cứ trình UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản để VTVcab được giữ lại và tiếp tục sử dụng cơ sở nhà đất nêu trên theo quy định hiện hành. Ngày 09/05/2017, Đoàn kiểm tra gồm đại diện của Cục Quản lý công sản – Bộ Tài chính, Cục Quản lý Nhà và TTBĐS-BXD, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội, Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội, Sở Quy hoạch kiến trúc Thành phố Hà Nội, Đài truyền hình Việt Nam, VTVcab đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng nhà đất đối với cơ sở nhà đất nêu trên. Ngày 28/06/2017, Ban chỉ đạo 09 Thành phố Hà Nội đã có công văn số 198/BCDD09 gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất tại số 3, dãy B 142 Đội Cán, Phường Đội Cán, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội. Ngày 18/08/2017, Bộ Tài chính có công văn số 11060/BTC-CQLCS gửi Đài Truyền hình Việt Nam cho ý kiến về việc sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất nêu trên.

Ngày 24/04/2017, Đài truyền hình Việt Nam – chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có Công văn số 573/THVN-KHTC đề nghị Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản), Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Quy hoạch kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh cử cán bộ tham gia phối hợp cùng Đài truyền hình Việt Nam kiểm tra, lập biên bản về hiện trạng tình hình quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất tại 0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh làm căn cứ trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản để VTVcab được giữ lại và tiếp tục sử dụng cơ sở nhà đất nêu trên theo quy định hiện hành. Ngày 09/05/2017, Đoàn kiểm tra gồm đại diện của Cục Quản lý công sản – Bộ Tài chính, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, Đài truyền hình Việt Nam, VTVcab đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng nhà đất đối với cơ sở nhà đất nêu trên. Ngày 03/11/2017, Bộ Tài chính có công văn số 14878/BTC-CQLCS gửi Đài Truyền hình Việt Nam cho ý kiến về việc sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất nêu trên.

Ngày 25/10/2017 UBND HCM gửi Bộ Tài Chính công văn số 6684/ UBND-KT về việc sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thuộc Đài THVN trên địa bàn TP HCM. Đến ngày 03/11/2017 Bộ Tài Chính trả lời UBND HCM công văn 14878/BTC-QLCS về việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thuộc Đài THVN trên địa bàn TP HCM.

Ngày 24/04/2017, Đài truyền hình Việt Nam – chủ sở hữu của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đã có Công văn số 574/THVN-KHTC đề nghị Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Khánh Hòa, Sở Xây dựng Tỉnh Khánh Hòa, cử cán bộ tham gia phối hợp cùng Đài truyền hình Việt Nam kiểm tra, lập biên bản về hiện trạng tình hình quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất tại Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa làm căn cứ trình UBND Tỉnh Khánh Hòa và Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản để VTVcab được giữ lại và tiếp tục sử dụng cơ sở nhà đất nêu trên theo quy định hiện hành. Ngày 09/05/2017. Đoàn kiểm tra gồm đại diện của Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Khánh Hòa, Sở Xây dựng Tỉnh Khánh Hòa, Đài truyền hình Việt Nam, VTVcab đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng nhà đất đối với cơ sở nhà đất nêu trên. Ngày 21/06/2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa có công văn số 5272/UBND gửi Đài Truyền hình Việt Nam về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngày 15/8/2017 Bộ Tài Chính gửi UBND tỉnh Khánh Hòa công văn số 10851/BTC-QLCS về việc sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà đất của Đài Truyền hình Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Bảng 16: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa**

STT	Tên cơ sở nhà, đất – Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại nhà, đất	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	
						Mục đích sử dụng	Hình thức thuê
1.	0.02 Lô B Chung cư 27 Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	173	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được GD Sở Tài nguyên và môi trường TP HCM cấp ngày 16/2/2012	Nhà lưu trú cho Tổng công ty.	Tiếp tục quản lý sử dụng (VB 14878/BTC-QLCS ngày 03/11/2017 của Bộ Tài Chính)	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền thuê đất hàng năm
2.	Số 3, dãy B 142 Đội Cấn. Phường	69.70	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu	Trụ sở và Văn phòng làm việc	Tiếp tục quản lý sử dụng (VB số 11060/BTC-	Văn phòng, Trụ sở	Thuê đất có trả tiền

STT	Tên cơ sở nhà, đất – Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại nhà, đất	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	
						Mục đích sử dụng	Hình thức thuê
	Đội Cán, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.		nhà ở và tài sản gắn liền với đất được GD Sở Tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 05/3/2014	của Tổng công ty.	CQLCS ngày 18/08/2017 của Bộ Tài chính	làm việc	thuê đất hàng năm
3.	Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	93	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được GD Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/10/2012. số vào sổ cấp GCN: CT01471	Văn phòng giao dịch của Tổng công ty tại Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	Tiếp tục quản lý, sử dụng (VB số 10851/BTC-QLCS ngày 15/08/2017 của Bộ Tài Chính)	Văn phòng, Trụ sở làm việc	Thuê đất có trả tiền Thuê đất hàng năm

(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)



## 21. Định hướng phát triển Tổng công ty, dự án đầu tư sau cổ phần hóa

### 1. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam là đơn vị truyền hình trả tiền duy nhất trực thuộc Đài THVN với kinh nghiệm hơn 20 năm triển khai dịch vụ truyền hình trả tiền. *Các lĩnh vực hoạt động chính:*

- Kinh doanh các dịch vụ Truyền hình trả tiền, truyền hình cáp CATV, truyền hình số HD. Truyền hình tương tác IPTV....
- Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến; Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phát sóng truyền hình, truyền thông, Internet trên hệ thống truyền dẫn Truyền hình trả tiền.

#### ✦ *Ưu thế lớn của VTVcab:*

- Mạng truyền hình cáp phủ sóng rộng nhất (gần 60 tỉnh, thành phố), số thuê bao truyền hình trả tiền lớn nhất Việt Nam.
- Là đơn vị truyền hình trả tiền có số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện, showroom lớn nhất Việt Nam
- Sản xuất kinh doanh dịch vụ nội dung truyền hình trả tiền: mua – bán bản quyền truyền hình, kênh truyền hình...
- Gói kênh VTVcab có trên nhiều hạ tầng của nhiều nhà cung cấp
- Luôn mở rộng hợp tác kinh doanh liên kết với các đơn vị viễn thông, truyền hình trong nước và quốc tế trong lĩnh vực truyền hình trả tiền
- Sử hữu bản quyền các giải thể thao hay nhất thế giới, Cam kết về bản quyền truyền hình, luôn tăng kênh theo đúng lộ trình.

### 2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong giai đoạn 2012 – 2015, tốc độ tăng trưởng dịch vụ truyền hình trả tiền đạt khoảng 25 – 30%; giai đoạn 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng này dự kiến đạt khoảng 10 – 15%. Đến năm 2020, doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền dự kiến đạt khoảng 800 triệu – 1 tỷ USD.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ quảng cáo phát thanh, truyền hình hằng năm từ 15 - 20%, đến năm 2020 dự kiến đạt khoảng 800 triệu – 1 tỷ USD.

Trong mục tiêu phát triển, đến năm 2020, VTVcab sẽ cung cấp ổn định khoảng 70 - 80 kênh truyền hình quảng bá, trong đó có 10 – 15 kênh thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia và 60 – 65 kênh thông tin tuyên truyền thiết yếu địa phương. Còn với dịch vụ truyền hình trả tiền, mục tiêu đến năm 2020 sẽ phát triển khoảng 70 – 80% số hộ gia đình thu xem dịch vụ này.

Đáng chú ý liên quan đến định hướng phát triển là sẽ không phát triển thêm dịch vụ truyền hình quảng bá tương tự mặt đất, mà ưu tiên phát triển loại hình số mặt đất, di động mặt đất, số vệ tinh, kết hợp trên mạng viễn thông đã có sẵn phù hợp với định hướng số hóa và xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ... Đồng thời khuyến khích các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền tham gia phát sóng các kênh chương trình phát thanh, truyền hình quảng bá.

Trong định hướng phát triển dịch vụ trả tiền, truyền hình cáp sẽ phát triển theo hướng bền vững, chất lượng, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, tránh việc tham gia quá nhiều, đặc biệt là của các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ngoài ngành vào lĩnh vực truyền hình. Trong đó sẽ không cấp phép mới dịch vụ truyền hình cáp sử dụng công nghệ tương tự; còn với dịch vụ truyền hình cáp truyền thống công nghệ số sẽ hình thành từ 2 - 3 doanh nghiệp và tối đa không quá 5 doanh nghiệp trên phạm vi vùng không trùng nhau về địa lý trên cơ sở liên kết giữa các doanh nghiệp truyền hình cáp đang hoạt động hoặc mua lại các hạ tầng cáp đã có sẵn.

Với dịch vụ truyền hình IPTV sẽ hình thành từ 3 - 4 doanh nghiệp trên cơ sở tận dụng hạ tầng mạng viễn thông đã đầu tư; với dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số có tối đa 3 doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc và 5 doanh nghiệp trên phạm vi vùng không trùng nhau về địa lý.

Dịch vụ truyền hình trực tiếp qua vệ tinh cũng chỉ hình thành tối đa 3 doanh nghiệp. Còn dịch vụ truyền hình di động bảo đảm trên thị trường hình thành tối đa 2 doanh nghiệp cung cấp.

### 3. Định hướng phát triển của Công ty

Để tồn tại và phát triển vững mạnh thu hút được ngày càng nhiều thuê bao, VTCab cần có một hướng đi thích hợp để có thể tạo ra được bản sắc riêng cho mình, xây dựng thương hiệu lớn có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhằm chiếm lĩnh thị phần. Các định hướng chính trong việc phát triển thị trường truyền hình trả tiền của VTCab là:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển mạnh thị trường truyền thống, đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ gia tăng: truyền hình theo yêu cầu, Internet, SD, HD, 4K...
- Mở rộng địa bàn và đầu tư hợp lý, phát triển chiều sâu nhằm tiết kiệm đầu tư mà vẫn cung cấp đầy đủ được nhu cầu cho khách hàng trên toàn quốc.
- Tăng cường đầu tư sản xuất để chất lượng hóa các kênh truyền hình theo hướng chuyên đề, chuyên sâu, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu khách hàng vừ cân đối về nội dung Tiếng Việt và kênh nước ngoài, giảm chi phí bản quyền chương trình, nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám, lợi nhuận cao.
- Chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất kinh doanh, chú trọng đầu tư, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực viễn thông, đặc biệt là:
  - + Dịch vụ truyền hình, nghe nhìn cao cấp: HDTV, 3DTV, 4KTV.
  - + Dịch vụ truyền hình trên mạng IPTV và MobileTV
  - + Dịch vụ quảng cáo trên truyền hình trả tiền.

### 4. Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng Ngành.

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục tập trung phát triển kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền và các dịch vụ gia tăng đảm bảo doanh thu. Đảm bảo nhân sự của Tổng công ty cổ phần hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả, Tổng công ty cũng tập trung đầu tư thời gian, trí tuệ tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, phát triển các dịch vụ

gia tăng khác phù hợp với lợi thế hiện có của Tổng công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Lựa chọn và đầu tư phát triển công nghệ truyền hình mới trên các phương thức truyền dẫn hiện đại, phấn đấu để có trình độ tương xứng với công nghệ truyền hình của các nước trong khu vực, chú trọng đầu tư theo xu hướng dịch vụ viễn thông - tin học - truyền hình trong phát triển công nghệ.
- Lựa chọn công nghệ tiên tiến đi đôi với việc tiết kiệm giảm giá thành, phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và thu nhập người dân, có bước đi thích hợp tránh lãng phí.
- Xác định được vũ khí cạnh tranh mạnh nhất của VTVcab bên cạnh yếu tố kỹ thuật là nội dung chương trình, phải xây dựng và khẳng định được các kênh truyền hình trả tiền của VTVcab là hàng đầu, đảm bảo cân đối giữa các kênh sản xuất, kênh nước ngoài để chủ động và ổn định về nội dung.
- Song song với việc hoàn thiện hệ thống truyền dẫn, mở rộng vùng phủ sóng trên cả nước cần tập trung đầu tư trọng điểm phát triển mạnh thị trường truyền hình của VTVcab nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng thương hiệu truyền hình trả tiền số 1 tại Việt Nam, phát triển thị trường bền vững.

## 5. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa

### 1. Đánh giá thế mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần

#### ✦ *Thế mạnh của Tổng công ty tại thời điểm cổ phần hóa (S):*

- Là đơn vị có thương hiệu cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền số một Việt Nam. VTVcab cung cấp dịch vụ tại hơn 50 tỉnh thành trên cả nước với hơn 2 triệu thuê bao trên toàn quốc.
- Có hệ thống nội dung chương trình phong phú nhất Việt Nam với khả năng tự sản xuất nội dung chương trình truyền hình, kết hợp với việc mua bản quyền cấp phát các kênh dịch vụ, các chương trình bản quyền từ các nhà cung cấp bản quyền tại Việt Nam và trên thế giới.
- Có đội ngũ CBCNV lành nghề, đội ngũ lãnh đạo năng động với trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm lâu năm được đúc kết từ thực tiễn cạnh tranh khốc liệt của thị trường truyền hình trả tiền mà không phải đơn vị nào cũng có được.
- Bên cạnh đó, thu nhập và việc làm của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và bảo đảm, các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân viên được các tổ chức Đảng ủy, Chính quyền, Công đoàn. Đoàn thanh niên quan tâm tạo không khí phấn khởi cho người lao động, an tâm trong lao động và sản xuất.

#### ✦ *Khó khăn của Tổng công ty tại thời điểm cổ phần hóa (W):*

- Thị trường truyền hình trả tiền Việt Nam cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền truyền thống như SCTV, AVG, HTV, K+ ... đặc biệt là xuất hiện của các ông lớn viễn thông như Viettel, VNPT, FPT.

- Xu hướng sử dụng dịch vụ truyền hình kết hợp Internet, đa dịch vụ trên một hạ tầng đang là xu hướng tất yếu của khách hàng, bắt buộc VTVcab phải đi trước và đón đầu xu hướng dịch vụ. Phát triển các dịch vụ gia tăng như VOD, OTT, Internet, 4K ... trực tiếp cạnh tranh với các đơn vị viễn thông.
- Vốn của Tổng công ty chủ yếu nằm trong các tài sản là hạ tầng mạng, hệ thống truyền dẫn, khách hàng ... nên nhìn chung Tổng công ty chịu nhiều áp lực về khấu hao trong những năm đầu khi đi vào hoạt động theo mô hình cổ phần hóa.
- Nhiều hạ tầng mạng đã xuống cấp, không thích hợp với xu hướng triển khai dịch vụ đa công nghệ hiện tại, cần lượng vốn đầu tư lớn để nâng cấp cải tạo mạng.
- Việc đi trước, đón đầu công nghệ phục vụ xu hướng phát triển thị hiếu của khách hàng cần vốn đầu tư lớn, hợp lý.
- Theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, số hóa dịch vụ truyền hình, phần đầu năm 2020 sẽ ngừng cung cấp tín hiệu Analog.

✦ ***Cơ hội đối với Tổng công ty khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần (O):***

- Cơ chế chính sách của Nhà nước ngày càng được hoàn thiện, có tác dụng hỗ trợ lớn hơn cho doanh nghiệp phát triển bền vững.
- Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, tạo nguồn động lực mới mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Tổng công ty.
- Người lao động có cơ hội phát huy quyền làm chủ doanh nghiệp, quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông và người lao động trong toàn Tổng công ty gắn liền với sự phát triển của doanh nghiệp. Đây thực sự là cơ hội để phát huy nội lực và tính tự chủ của doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh. Khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần sẽ giúp Tổng công ty thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực từ bên ngoài để nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính, năng lực sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty, cũng như tiếp xúc được với nhiều nguồn đầu tư, nhiều cổ đông sẽ giúp VTVcab chủ động trong việc sản xuất kinh doanh, tiếp cận được với sự phát triển công nghệ dịch vụ.

✦ ***Những thách thức với Tổng công ty khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần (T):***

- Việc đào tạo nhân sự, tuyển dụng đội ngũ nhân viên trẻ nhằm bắt kịp xu hướng công nghệ cũng như vượt qua biến động khi chuyển sang mô hình cổ phần hóa là một bài toán đòi hỏi phải đầu tư kỹ lưỡng, có chiều sâu.
- Yếu tố cạnh tranh ngày càng khốc liệt, cần đi trước đón đầu xu hướng phát triển thị hiếu thay đổi liên tục của khách hàng.
- Số hóa dịch vụ truyền hình Analog.

**2. Phương án cơ cấu doanh nghiệp khi chuyển sang Công ty cổ phần:**

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban hỗ trợ.

Về ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần như sau:

- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Điều hành hệ thống phát bằng cáp (ví dụ phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình); Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

**3. Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2021)**

**❖ Mục tiêu tổng quát**

- Số hóa dịch vụ truyền hình theo chỉ đạo của Nhà nước.
- Đầu tư hạ tầng, phát triển các dịch vụ gia tăng.
- Tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- Chủ động trong việc triển khai kinh doanh dịch vụ, tự chủ về truyền dẫn tín hiệu, tự cung cấp băng thông Internet và các dịch vụ gia tăng, giảm sự phụ thuộc đối với các đơn vị hợp tác.
- Phát triển đồng bộ các dịch vụ, tăng chất lượng dịch vụ và chất lượng chăm sóc khách hàng

❖ **Mục tiêu cụ thể:**

✚ **Tăng trưởng:**

- Tăng trưởng gần 500.000 khách hàng, đạt hơn 2.100.000 khách hàng trong năm 2021.
- Thuê bao Internet tăng trưởng gần 600.000 khách hàng đạt hơn 800.000 khách hàng trong năm 2021.
- Số hóa toàn bộ khách hàng đang sử dụng dịch vụ truyền hình cáp Analog của VTVcab.
- Doanh thu tăng trung bình hàng năm 17% đạt hơn 4.500 tỷ đồng trong năm 2021.

✚ **Kế hoạch kinh doanh từ 2017 – 2021:**

- **Chỉ tiêu về thuê bao:**

**Bảng 17: Chỉ tiêu về thuê bao của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2021)**

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>1</b>	<b>Tổng dân số</b>	<b>95.943.000</b>	<b>97.080.000</b>	<b>98.217.000</b>	<b>99.354.000</b>	<b>100.347.540</b>
	Tổng số hộ	26.071.000	26.525.000	26.983.000	27.446.000	27.721.000
	Tổng số hộ có tivi	22.706.000	23.201.000	23.708.000	24.217.000	24.459.000
<b>2</b>	<b>Dung lượng HFC</b>	<b>3.520.912</b>	<b>3.696.957</b>	<b>3.881.805</b>	<b>4.075.895</b>	<b>4.075.895</b>
	Tổng thuê bao	1.669.174	1.748.073	1.864.937	2.010.055	2.139.312
	Tỷ lệ thuê bao / HFC	47%	47%	48%	49%	52%
	Tỷ lệ thuê bao / số hộ dân toàn quốc (%)	6%	7%	7%	7%	8%
	Tỷ lệ thuê bao / số hộ có tivi (%)	7%	8%	8%	8%	9%
<b>3</b>	<b>Dung lượng DOCSIS</b>	<b>616.344</b>	<b>616.344</b>	<b>616.344</b>	<b>616.344</b>	<b>616.344</b>
	Internet Docsis/CMT S/EOC	156.533	212.319	266.123	306.044	332.657
	Tỷ lệ thuê bao / Docsis	25%	34%	43%	50%	54%

4	Dung lượng GPON	142.417	351.184	608.414	896.790	896.790
	Internet GPON	70.255	146.519	277.714	423.242	486.707
	Tỷ lệ thuê bao / GPON	49%	42%	46%	47%	54%

(Nguồn: Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

**Bảng 18: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2017 – 2021)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>2.441.390</b>	<b>2.949.245</b>	<b>3.505.987</b>	<b>3.960.456</b>	<b>4.525.269</b>
1	Truyền hình cáp	1.042.067	979.070	857.397	687.568	540.379
2	Truyền hình số	84.762	194.672	457.066	802.278	1.185.757
3	Dịch vụ HD	211.237	326.173	376.230	457.989	589.152
4	KD internet	91.273	174.969	335.826	480.102	586.973
5	VOD-OTT	1.479	31.919	55.170	83.371	119.605
5	Bán thiết bị		215.480	382.122	406.302	473.497
6	Doanh thu phí truyền dẫn	192.546	196.397	200.325	204.331	208.418
7	Doanh thu bản quyền, QC, XHH	445.046	453.947	463.026	472.286	481.732
8	Doanh thu, lợi nhuận được chia	513.751	559.087	604.466	632.891	661.132
9	Giảm trừ doanh thu cho ĐVHT	-156.800	-198.658	-241.991	-283.177	-338.057
10	Khác	16.029	16.189	16.351	16.514	16.680
<b>II</b>	<b>Chi phí</b>	<b>2.378.010</b>	<b>2.874.927</b>	<b>3.424.833</b>	<b>3.853.823</b>	<b>4.409.576</b>
1	Chi lương	277.331	288.424	299.961	311.959	324.438
2	Các khoản theo lương (bảo hiểm...)	27.786	41.679	43.347	45.080	46.884
3	Tiền ăn giữa ca	20.010	20.811	21.643	22.509	23.409
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	297.366	310.175	300.208	267.390	238.570

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
5	Chi phí bản quyền, sản xuất chương trình	750.887	803.449	843.622	970.165	1.115.689
6	Chi phí tuyên truyền, QC, Khuyến mại	161.487	169.562	178.040	195.844	215.428
7	Chi phí thiết bị SD, HD	96.550	79.878	115.029	175.324	328.036
8	Chi phí thiết bị của DV TH số	10.801	195.606	428.395	462.813	625.467
9	Chi phí thiết bị - Internet	26.970	141.176	261.330	330.519	278.322
10	Chi phí VOD-OTT	955	35.434	49.223	65.273	85.348
11	Phân chia từ hoạt động hợp tác LD	123.568	169.695	215.639	244.618	273.401
12	Chi phí thuê cột điện	61.475	64.549	67.776	71.165	74.723
13	Chi phí sửa chữa, bảo hành, bảo trì vật tư, tài sản	67.916	71.991	76.311	80.889	85.743
14	Chi phí công cụ dụng cụ	18.376	19.479	20.647	21.886	23.199
15	Chi phí lãi vay, đi vay	53.938	92.971	117.518	156.024	210.571
16	CP thù lao thu thuê bao	45.644	53.485	64.714	77.533	92.680
17	Hoa hồng, thù lao PT thuê bao cáp, số	58.204	51.454	62.257	74.589	89.161
18	Thuê nhà	33.699	37.069	40.775	44.853	49.338
19	Cước phí thuê đường truyền, truyền dẫn	44.603	45.495	46.405	47.333	48.280
20	Chi phí tiền điện mạng cáp	21.712	23.883	26.271	28.899	31.788
21	Chi phí NVL, vật tư	44.717	42.624	60.655	81.997	84.871
22	Các khoản thuê mướn khác	117.339	120.859	124.485	128.219	132.066
23	Chi phí in hóa đơn, phiếu thu, hợp đồng...	6.606	6.464	7.821	9.371	11.201



TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
24	CP lợi thế TM phân bổ	30.094	30.094	30.094	30.094	30.094
25	Chi phí VTCab chia cho ĐVHT	-97.142	-126.073	-166.012	-183.385	-206.388
26	Chi phí khác	77.118	84.695	88.679	92.863	97.256
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>63.379</b>	<b>74.317</b>	<b>81.154</b>	<b>106.633</b>	<b>115.693</b>

**Các căn cứ xây dựng kế hoạch nêu trên:**

**✦ Căn cứ xây dựng kế hoạch thuê bao:**

- Căn cứ vào thực tế kinh doanh và cạnh tranh tại tất cả các địa bàn toàn quốc.
- Căn cứ vào dung lượng đầu port thiết kế của hạ tầng mạng VTCab, cũng như lộ trình nâng cấp mạng trên toàn quốc.
- Căn cứ vào lộ trình số hóa dịch vụ truyền hình cáp Analog đến hết năm 2020.
- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hạ tầng Internet: đầu tư Internet GPON tại các địa bàn chưa cung cấp Internet của VTCab.
- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng truyền dẫn kênh toàn quốc:
  - + VTCab tự chủ động triển khai Internet (thuê băng thông quốc tế, trong nước) thay vì hợp tác với các đơn vị viễn thông CMC, SPT, Viettel như hiện tại.
  - + VTCab chủ động đường truyền tín hiệu Bắc Nam, liên tỉnh, liên huyện.
- Căn cứ vào lộ trình đầu tư hệ thống sản xuất chương trình: VTCab chủ động sản xuất các kênh, các chương trình truyền hình nhằm mục đích đưa dịch vụ tốt nhất tới khách hàng.

**✦ Căn cứ xây dựng kế hoạch doanh thu:**

- Các dịch vụ tính kế hoạch doanh thu: Analog, SD, HD/Full HD, VOD, Internet.
- Căn cứ vào chính sách giá dịch vụ hiện tại cũng như chính sách giá các dịch vụ trong các năm từ 2017 đến 2021.
- Căn cứ vào số lượng thuê bao tại thời điểm cuối năm 2016 và kế hoạch thuê bao từ năm 2017 đến năm 2021.
- Căn cứ vào thực tế triển khai dịch vụ hiện tại và kế hoạch đẩy mạnh triển khai dịch vụ, chăm sóc khách hàng từ năm 2017 đến năm 2021.

**Các giải pháp để thực hiện kế hoạch:**

**❖ Giải pháp về tổ chức biên chế, lao động**

**✦ Chiến lược nhân sự của VTCab**

- Xây dựng thương hiệu để thu hút nhân tài: Phải tạo ra thương hiệu tốt trên thị trường: niềm tự hào, hãnh diện của nhân lực khi được làm việc trong doanh nghiệp có thương hiệu tốt.

- Xây dựng và thực hiện chính sách lương bổng hợp lý, các chế độ chính sách đãi ngộ về lao động phù hợp với tình hình phát triển của VTVcab và thị trường; đảm bảo lợi ích công bằng cho tất cả nhân viên.
- Xây dựng và có quy trình sử dụng nguồn nhân sự minh bạch: dựa trên năng lực thực sự của nhân sự để bố trí và đãi ngộ; cơ hội học hỏi và lộ trình thăng tiến.
- Đãi ngộ tài chính:
  - + Trả lương và các khoản phụ cấp tương xứng với vị trí công việc và theo năng suất lao động, kết quả sản xuất kinh doanh.
  - + Chi trả các khoản tiền thưởng, trợ cấp khuyến khích và thúc đẩy phát triển; Các khoản phúc lợi được đảm bảo đầy đủ, công khai, minh bạch và đúng thời hạn.
- Đãi ngộ phi tài chính:
  - + Công việc tốt và phù hợp.
  - + Cơ hội được đảm nhận các công việc có trọng trách.
  - + Cơ hội được tham gia quá trình ra quyết định.
  - + Quan hệ đồng nghiệp thân thiện, cởi mở, tạo dựng tốt văn hóa doanh nghiệp VTVcab.
- Xây dựng và có chiến lược dài hạn về nhân lực: phát triển nghề nghiệp cho người lao động, có chiến lược đào tạo về kỹ năng, chủ động tạo dựng nhân lực cao cấp từ chính nguồn nhân lực của mình (đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài).
- Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh: người lao động cảm thấy được tôn trọng, được tham gia vào quá trình ra quyết định của doanh nghiệp và có cơ hội để phát triển; Chú trọng xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp, điều kiện lao động hợp lý.

#### **➤ Giải pháp về tổ chức, biên chế lao động**

- Cải tiến việc tổ chức nơi làm việc:
  - + Tạo ra những điều kiện vật chất kỹ thuật cần thiết để tiến hành các nhiệm vụ sản xuất với năng suất cao.
  - + Bảo đảm cho quá trình sản xuất được thực hiện liên tục và nhịp nhàng.
  - + Bảo đảm những điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành quá trình lao động và tạo sự hứng thú tích cực cho người lao động.
  - + Bảo đảm khả năng thực hiện các động tác lao động trong tư thế thoải mái, cho phép áp dụng các phương pháp và thao tác lao động tiên tiến.
- Hoàn thiện các hình thức phân công lao động:
  - + Xác định những yêu cầu kỹ thuật của công việc và con người phải đáp ứng.
  - + Xây dựng vị trí chức danh công việc, mô tả công việc và tuyển chọn lao động theo những yêu cầu của sản xuất.
  - + Thực hiện sự bố trí lao động theo đúng những yêu cầu của công việc, áp dụng những phương pháp đào tạo, huấn luyện có hiệu quả. Sử dụng hợp lý những người đã được đào tạo, bồi dưỡng tiếp những người có khả năng phát triển, chuyển và đào tạo lại những người không phù hợp với công việc.
  - + Đảm bảo phù hợp giữa nội dung và hình thức của phân công lao động với trình độ phát

triển của lực lượng sản xuất.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa những khả năng sản xuất và phẩm chất của con người, phải lấy yêu cầu công việc làm tiêu chuẩn để lựa chọn người lao động.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa công việc phân công với đặc điểm và khả năng của lao động, phát huy được tính sáng tạo của họ.

– Hoàn thiện công tác định mức lao động; Hợp lý hoá các thao tác và phương pháp lao động.

– Điều kiện lao động và chế độ làm việc nghỉ ngơi.

– Các hình thức kích thích vật chất và tinh thần đối với người lao động.

– Tăng cường kỷ luật lao động và tổ chức thi đua.

✚ **Các giải pháp, hành động cụ thể:**

– Chuẩn hóa cơ cấu tổ chức bộ máy, hệ thống chức danh mô tả công việc:

+ Rà soát, tối ưu hóa phân công công việc giữa các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

+ Kiện toàn hệ thống chức danh, phân cấp cấp bậc của toàn hệ thống.

+ Hoàn thiện bản mô tả chức danh công việc cho từng vị trí công việc.

– Hoàn thiện và chuẩn hóa quy chế trả lương theo phương pháp 3P (trả lương theo vị trí chức danh công việc, theo năng lực và hiệu quả, kết quả làm việc của từng cá nhân lao động); gắn tiền lương với vị trí công việc đảm nhận, với năng lực và kết quả thực hiện của cá nhân, đơn vị và của Tổng công ty.

– Hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, quản lý công việc theo KPIs.

❖ **Giải pháp về thị trường**

✚ **Đầu tư nghiên cứu thị trường**

– Xây dựng và thực hiện chương trình tổng thể về nghiên cứu thị trường bao gồm: xây dựng và phân tích hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường: phân tích, xác định những vùng thị trường tiềm năng, vùng thị trường đã khai thác, vùng thị trường chưa khai thác và đánh giá quy mô của từng vùng thị trường (phân loại thị trường sản phẩm, dịch vụ); xác định các vùng thị trường tiềm năng lớn, các sản phẩm dịch vụ có doanh thu cao và có khả năng phát triển trong tương lai.

– Thành lập nhóm nghiên cứu thị trường thực hiện chuyên trách công tác thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, khách hàng, các hoạt động của đối tác.

– Sử dụng các thông tin từ nghiên cứu thị trường: Cơ sở dữ liệu thông tin về ngành, về các đối thủ, về khách hàng, về thị trường hiện tại và tiềm năng, về cơ cấu và phân bổ khách hàng, về các xu thế mới để hoạch định các chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Vận dụng các thông tin đầu ra của các điều tra nghiên cứu để điều chỉnh các chiến lược phát triển thị trường kịp thời.

✚ **Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng**

– Theo thống kê lượng thuê bao hủy dịch vụ hàng tháng của VTVcab cũng khá lớn do đó VTVcab cần phải tập trung nhiều vào khâu chăm sóc khách hàng:

– Nâng cấp hệ thống chăm sóc khách hàng, đảm bảo tỷ lệ cuộc gọi thành công lên đến

99%.

- Bên cạnh phương thức thu cước truyền thống, truyền hình trả tiền Việt Nam cũng cần phải đẩy mạnh triển khai các phương thức thu thuê bao mới bên cạnh phương thức thu tại nhà thủ công và trả trước tại các đại lý. Triển khai thêm các phương thức phát hành thu cước qua thẻ cào, trả trước tự động qua tài khoản ngân hàng hoặc chuyển khoản.
- Đẩy mạnh công tác chăm sóc dịch vụ sau bán hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi tín hiệu nhà khách hàng một cách chủ động để có biện pháp xử lý tín hiệu tại thuê bao, giải quyết khiếu nại một cách nhanh nhất.

**✦ Xây dựng, mở rộng và phát triển kênh phân phối**

- Việt Nam đang trong quá trình hội nhập, mở cửa thị trường là điều tất yếu. VTVcab đã, đang và sẽ gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong nước cũng như nước ngoài. Vì vậy, xây dựng một chiến lược phân phối dịch vụ là vấn đề cần thiết. Các kênh phân phối của VTVcab cần lưu ý một số vấn đề sau:
- Kênh bán hàng trực tiếp: Mở rộng thêm hợp tác bán hàng kèm sản phẩm dịch vụ cùng các trung tâm điện máy lớn trên cả nước, các hãng điện tử...
- Tập trung phát triển mạnh mô hình bán hàng qua thẻ cào trả trước, trả sau theo thời hạn tương ứng với mệnh giá tiền. Mục đích tạo sự thuận lợi cho khách hàng trong quá trình thanh toán và sử dụng dịch vụ.
- Tập trung đẩy mạnh bán hàng qua kênh thương mại điện tử. Thanh toán và kích hoạt thẻ qua Website.
- Mở rộng các showroom tại các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.
- Xây dựng thành lập riêng đơn vị bán hàng, hỗ trợ online để đẩy mạnh công tác bán cũng như PR thương hiệu VTVcab

**✦ Giải pháp về giá dịch vụ:**

- Xây dựng chính sách giá linh hoạt theo đối tượng khách hàng là khối cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ được xếp hạng, với khách hàng là hộ gia đình, đảm bảo quyền lợi khách hàng cũng như nguồn thu cho VTVcab. Qua đó, tạo được thị trường bền vững với số lượng khách hàng trung thành.
- Xây dựng các chương trình giảm giá cước và các chế độ chiết khấu trong thanh toán, đảm bảo cho khách hàng thấy được sự khác biệt việc sử dụng dịch vụ của VTVcab và các đơn vị khác.
- Cung cấp nhiều gói cước, mức giá linh hoạt phù hợp với từng phân khúc khách hàng khác nhau.

**✦ Giải pháp về truyền thông xây dựng thương hiệu:**

- Trong bối cảnh thị trường hiện nay, số lượng các đơn vị cung cấp loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền ngày càng đa dạng, phong phú, vì vậy người tiêu dùng gặp rất nhiều khó khăn trong việc phân biệt, đánh giá và lựa chọn sản phẩm. Mỗi doanh nghiệp đều cố gắng tạo một phong cách, hình ảnh, ấn tượng, uy tín cho sản phẩm mình nhằm đem lại hình ảnh dễ đi vào nhận thức của khách hàng. Có nhiều hoạt động nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu nhưng hoạt động PR và truyền thông đang được xem là một công cụ hữu hiệu để phát triển thương hiệu:

- Xây dựng và phát triển mối quan hệ đối nội, ngoại của doanh nghiệp nhằm tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác các bên liên quan để phát triển thương hiệu của VTVcab.
- Tăng cường thực hiện các hoạt động tài trợ, từ thiện, phát triển cộng đồng để tạo cơ hội quảng bá, khuếch trương thương hiệu, xây dựng lòng tin của khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ với mục tiêu để bản thân các cán bộ công nhân viên được hiểu rõ hơn về công việc cũng như các dịch vụ của VTVcab, góp phần tạo nên quan hệ gắn kết giữa các cán bộ trong công ty.

✦ **Bảo vệ bản quyền các kênh truyền hình trả tiền:**

- Đối với các kênh truyền hình, nội dung thể thao của VTVcab trong các năm trở lại đây đã bị nhiều đơn vị, đài truyền hình địa phương, các đơn vị truyền hình trả tiền nhỏ lẻ, các trang mạng xã hội, trang mạng tin tức thu phát, cắt ghép. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của VTVcab đối với các đối tác nước ngoài, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và thị phần của VTVcab trên thị trường. Do đó, cần thiết lập trung tâm bảo vệ bản quyền chương trình, trung tâm có nhiệm vụ kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm bản quyền, từ đó buộc các đơn vị phải nghiêm túc thực thi Luật Bản quyền chương trình hoặc ngừng phát sóng, hoạt động, nộp phạt theo Quy định.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam là phù hợp với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy kính đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam để Tổng công ty có thể tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo lộ trình và kế hoạch cổ phần hóa như quy định.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT**

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam được phê duyệt và có Quyết định của Đài Truyền hình Việt Nam về việc chuyển Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam thành Công ty cổ phần. Tổng công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình như sau:

**Bảng 19: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa**

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Thời điểm nhận phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư	T + 33 ngày
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên	T + 42 ngày
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T + 47 ngày
5	Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu, thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh	T + 77 ngày
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T + 87 ngày
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị	T + 89 ngày
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T + 94 ngày
9	Thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T + 95 ngày

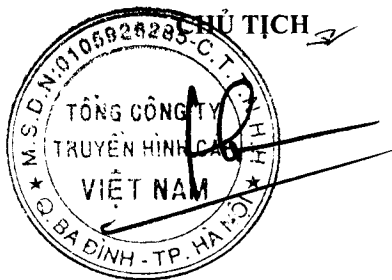
(Nguồn: Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam)

**V. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO**

1. PHỤ LỤC VỀ LAO ĐỘNG
2. PHỤ LỤC VỀ PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA
3. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN
4. PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ
5. PHỤ LỤC VỀ ĐẤT ĐAI

*Hà Nội, ngày... tháng... năm 2018*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM**



**HOÀNG NGỌC HUẤN**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Chu Mạnh Hiền*